

Số: 157 /KH-STNMT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành đơn giá đất xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai và của các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong năm 2022;

Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Xác định số lượng các trường hợp và quy mô diện tích cần xác định giá đất cụ thể trong năm 2022, các trường hợp phải thuê tư vấn và dự kiến kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể. Làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể và lựa chọn thuê đơn vị có chức năng định giá đất cụ thể.

- Đảm bảo thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai thực hiện các dự án, công trình trong năm 2022; thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất và cổ phần hóa doanh nghiệp trong năm 2022 và tính toán thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan trong quản lý, sử dụng đất đai.

2. Yêu cầu:

Việc định giá đất cụ thể phải thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

1. Phạm vi thực hiện

Định giá đất cụ thể trong phạm vi của từng dự án, công trình (từng trường hợp) trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đối tượng định giá đất cụ thể

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Khoản 3 và Khoản 4, Điều 3 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai thì đối tượng định giá đất cụ thể được quy định như sau:

a) Trường hợp giá trị của thửa đất hoặc khu đất tính theo giá đất trong Bảng giá đất từ 20 tỷ đồng trở lên khi xác định giá đất đối với các trường hợp sau:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

- Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền

thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có Quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

- Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án;

b) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2022

1. Dự kiến các trường hợp cần xác định giá đất cụ thể và các trường hợp phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể năm 2022.

Trên cơ sở đối tượng cần định giá đất cụ thể; căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và kế hoạch thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2022,... để xác định các trường hợp cần định giá đất cụ thể.

Theo đó, dự kiến có 772 trường hợp cần xác định giá đất cụ thể. Trong đó, dự kiến có 719 trường hợp phải thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể, bao gồm:

- 416 trường hợp xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất;
- 225 trường hợp tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- 78 trường hợp xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

Bảng 01: Tổng hợp các trường hợp cần định giá đất cụ thể và trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Đvt: đồng

STT	Mục đích định giá theo địa bàn cấp huyện	Trường hợp cần định giá cụ thể	Trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể	Dự kiến kinh phí thực hiện (đồng)
		Số lượng	Số lượng	
I	Trường hợp xác định giá đất tính tiền bồi thường khi thu hồi đất	416	416	7.554.561.000
1	Biên Hòa	88	88	1.520.912.000
2	Cẩm Mỹ	12	12	244.624.000
3	Định Quán	10	10	143.533.000
4	Long Khánh	21	21	355.981.000
5	Long Thành	68	68	1.212.924.000
6	Nhơn Trạch	134	134	2.768.103.000
7	Tân Phú	8	8	128.210.000
8	Thống Nhất	21	21	336.982.000
9	Trảng Bom	12	12	192.078.000
10	Vĩnh Cửu	29	29	443.391.000
11	Xuân Lộc	13	13	207.823.000
II	Trường hợp xác định giá khởi điểm để đấu giá QSDĐ	78	78	1.461.762.000
1	Biên Hòa	18	18	276.735.000
2	Cẩm Mỹ	13	13	184.412.000
3	Định Quán	8	8	146.155.000
4	Long Khánh	7	7	157.324.000
5	Long Thành	3	3	160.168.000
6	Nhơn Trạch	0	0	0
7	Tân Phú	2	2	6.773.000
8	Thống Nhất	7	7	202.594.000
9	Trảng Bom	5	5	140.416.000
10	Vĩnh Cửu	5	5	52.410.000
11	Xuân Lộc	10	10	134.775.000
III	Trường hợp xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất	168	156	2.941.609.000
1	Biên Hòa	59	58	925.742.000
2	Cẩm Mỹ	2	-	-
3	Định Quán	5	2	36.189.000
4	Long Khánh	9	7	129.044.000
5	Long Thành	22	19	388.049.000

6	Nhon Trạch	45	45	1.022.969.000
7	Tân Phú	-	-	-
8	Thống Nhất	3	3	36.496.000
9	Trảng Bom	11	10	162.451.000
10	Vĩnh Cửu	7	7	134.433.000
11	Xuân Lộc	5	5	106.236.000
IV	Trường hợp xác định giá đất để tính tiền thuê đất	110	69	1.571.324.000
1	Biên Hòa	21	16	355.107.000
2	Cẩm Mỹ	10	3	89.498.000
3	Định Quán	13	3	58.506.000
4	Long Khánh	3	2	20.840.000
5	Long Thành	25	16	326.498.000
6	Nhon Trạch	2	2	55.491.000
7	Tân Phú	-	-	-
8	Thống Nhất	8	4	96.749.000
9	Trảng Bom	6	5	141.559.000
10	Vĩnh Cửu	19	17	403.272.000
11	Xuân Lộc	3	1	23.804.000
Tổng số toàn tỉnh:		772	719	13.529.256.000

(Kèm theo danh mục các trường hợp cần định giá đất cụ thể và các trường hợp cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể năm 2022)

Danh mục các dự án, công trình cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể nêu trên chỉ mang tính chất dự báo để có kế hoạch và chuẩn bị kinh phí thực hiện. Các trường hợp cần định giá đất cụ thể và cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể sẽ căn cứ các quyết định giao đất, cho thuê đất thuộc trường hợp cần xác định giá đất cụ thể, đảm bảo đúng quy định và phù hợp kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Đối với các trường hợp tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; các trường hợp cần xác định giá đất cụ thể khác sẽ căn cứ theo yêu cầu thực tế của từng trường hợp và thời điểm cụ thể để xác định.

Đối với các dự án đã thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nhưng chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ hoặc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có phát sinh các thửa đất cần thu hồi bổ sung thì tiếp tục xác định giá đất cụ thể theo yêu cầu thực hiện của dự án. Kinh phí thuê đơn vị tư vấn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến số lượng các tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Trên cơ sở số lượng trường hợp dự kiến phải thuê tư vấn định giá đất cụ thể, dự kiến số lượng tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong năm 2022 là 5 tổ chức.

Ngoài ra có các đơn vị tư vấn xác định giá đất do Bộ Tài chính giới thiệu theo đề nghị của UBND tỉnh Đồng Nai (nếu có).

3. Kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Đối với trường hợp xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất: Nguồn kinh phí được sử dụng từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

- Đối với các trường hợp còn lại: Nguồn kinh phí được sử dụng từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4, Điều 21, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Dự kiến kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể cho 719 trường hợp dự kiến cần định giá trong năm 2022 là **13.529.256.000** đồng. Trong đó:

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất dự kiến là: **7.554.561.000** đồng/416 trường hợp.

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến là: **4.512.933.000** đồng/225 trường hợp.

- Thực hiện định giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất dự kiến là: **1.461.762.000** đồng/78 trường hợp.

Bảng 02: Dự kiến kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể năm 2022 theo đơn vị hành chính cấp huyện

ĐVT: đồng

TT	Địa bàn	Bồi thường	Đấu giá	Tính tiền	Thuê đất	Tổng cộng
1	Biên Hòa	1.520.912.000	276.735.000	925.742.000	355.107.000	3.078.496.000
2	Cẩm Mỹ	244.624.000	184.412.000	-	89.498.000	518.534.000
3	Định Quán	143.533.000	146.155.000	36.189.000	58.506.000	384.383.000
4	Long Khánh	355.981.000	157.324.000	129.044.000	20.840.000	663.189.000
5	Long Thành	1.212.924.000	160.168.000	388.049.000	326.498.000	2.087.639.000
6	Nhơn Trạch	2.768.103.000	-	1.022.969.000	55.491.000	3.915.199.000

7	Tân Phú	128.210.000	6.773.000	-	-	134.983.000
8	Thống Nhất	336.982.000	202.594.000	36.496.000	96.749.000	672.821.000
9	Trảng Bom	192.078.000	140.416.000	162.451.000	141.559.000	636.504.000
10	Vĩnh Cửu	443.391.000	52.410.000	134.433.000	403.272.000	1.033.506.000
11	Xuân Lộc	207.823.000	134.775.000	106.236.000	23.804.000	404.002.000
Tổng cộng		7.554.561.000	1.461.762.000	2.941.609.000	1.571.324.000	13.529.256.000

Dự kiến kinh phí thực hiện nêu trên chỉ mang tính dự báo làm cơ sở bố trí nguồn vốn thực hiện việc định giá đất cụ thể trong năm 2022.

4. Dự kiến thời gian thực hiện

Trên cơ sở rà soát, dự báo tiến độ triển khai thực hiện của các dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022, dự kiến thời gian thực hiện định giá đất cụ thể trong năm 2022. Trong đó, thời gian thực hiện cụ thể căn cứ vào yêu cầu thẩm định giá của các đơn vị chủ quản đầu tư thực hiện dự án hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước liên quan đến việc tính toán, quản lý tài chính về đất đai.

Dự kiến thời gian thực hiện như sau:

ĐVT: 1000 đồng

STT	Địa bàn cấp huyện	Trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể							
		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV	
		Số lượng	Dự kiến kinh phí	Số lượng	Dự kiến kinh phí	Số lượng	Dự kiến kinh phí	Số lượng	Dự kiến kinh phí
1	Biên Hòa	45	778.703	43	761.094	47	817.270	43	699.975
2	Cẩm Mỹ	6	118.071	7	176.048	8	105.034	7	119.381
3	Định Quán	6	123.596	6	105.847	5	83.670	6	71.270
4	Long Khánh	9	136.980	9	145.307	9	174.396	10	206.506
5	Long Thành	26	528.933	27	666.421	26	423.144	26	469.141
6	Nhơn Trạch	45	972.408	46	975.733	44	999.560	46	898.862
7	Tân Phú	3	35.787	3	40.031	2	38.822	2	20.343
8	Thống Nhất	8	165.129	9	162.649	9	161.255	9	183.788
9	Trảng Bom	8	130.265	7	122.028	9	211.333	8	172.878
10	Vĩnh Cửu	15	317.394	15	292.217	14	185.292	14	238.603
11	Xuân Lộc	8	185.676	7	124.943	7	95.071	7	66.948
Tổng cộng		179	3.492.942	180	3.572.318	180	3.294.847	180	3.147.695

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Kiện toàn lại Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 16, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất để quyết định giá đất cụ thể.

- Phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể và chỉ đạo việc bố trí kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể trong năm 2022.

2. Hội đồng thẩm định giá đất

- Tham mưu việc kiện toàn Hội đồng thẩm định giá đất.
- Tổ chức các phiên họp để thẩm định phương án giá đất; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định phương án giá đất;
- Thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định giá đất để giúp Hội đồng nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan đến phương án giá đất, đề xuất, báo cáo Hội đồng xem xét tại phiên họp thẩm định phương án giá đất.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể theo các nội dung sau:

- Xác định mục đích định giá đất cụ thể và chuẩn bị hồ sơ thửa đất cần định giá và các thông tin liên quan;
- Lựa chọn, ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất đối với từng trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất sau khi UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất;
- Trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét thẩm định phương án giá đất và trình UBND tỉnh quyết định giá đất sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh;
- Lưu giữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; thống kê báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Cử nhân sự là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính làm Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất và cử nhân sự làm Tổ trưởng tổ giúp việc của Hội đồng;
- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện việc định giá đất cụ thể theo Kế hoạch được phê duyệt;
- Tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất và giúp Hội đồng thẩm định giá đất tổ chức các cuộc họp để thẩm định phương án giá đất.

5. Sở Xây dựng

- Cử nhân sự tham gia Hội đồng thẩm định, nhân sự tham gia Tổ giúp việc cho Hội đồng;

- Tổng hợp và cung cấp các thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng chi tiết của từng dự án, công trình để làm cơ sở áp dụng phương pháp định giá đất cụ thể cho phù hợp.

6. Cục thuế tỉnh

- Cử nhân sự tham gia Hội đồng thẩm định, nhân sự tham gia Tổ giúp việc cho Hội đồng;

- Tổng hợp và cung cấp các thông tin liên quan đến dự án, công trình cần xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất.

7. UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

- Tổ chức thuê đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng theo bảng giá đất.

- Cử nhân sự tham gia Hội đồng thẩm định, nhân sự tham gia Tổ giúp việc cho Hội đồng;

- Chỉ đạo các Phòng chuyên môn chuẩn bị các điều kiện cần thiết liên quan đến dự án, công trình cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể (như: xác định các dự án, công trình trên địa bàn cần định giá đất cụ thể, chuẩn bị hồ sơ của thửa đất cần định giá; vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng đất của thửa đất cần định giá) để có cơ sở cung cấp cho đơn vị tư vấn được thuê định giá đất cụ thể, đề xuất giá đất các dự án phù hợp thực tế trên cơ sở chứng thư định giá đất của các đơn vị tư vấn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trình thẩm định, phê duyệt.

Trên đây là kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND các huyện, TP.LK, TP.BH;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ (15b).

(D/Diep/KHĐGD/2022/Khgiadat2022)/



Nguyễn Ngọc Thường

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU ĐẤT ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THỰC HIỆN

(Đính kèm Kế hoạch số: **137** KH-STNMT ngày **25** tháng **3** năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đấu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
I	Các khu đất có giá trị trên 20 tỷ đồng									
1.1	Thành phố Biên Hòa									
1	Khu đất Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai (Khu Trung cao) - Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ - Ban tôn giáo (cũ)	Quyết Thắng	137,31	13	5.739,4	Đất ở tại đô thị + Đất thương mại dịch vụ	Đất ở + Đất thương mại dịch vụ	158.366.880.000	- Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu đất thu hồi của Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng Đồng Nai (tạp Lido)	Quyết Thắng	21,22,105	16	2.194,2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	45.990.000.000	- Xây dựng phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Khu đất Bến thủy Nguyễn Văn Trị	Thanh Bình	620	5	2.315,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	48.615.000.000	- Chờ UBND tỉnh ban hành Quyết định giao lại một phần diện tích cho UBND thành phố Biên Hòa; - Xây dựng phương án đấu giá (phần diện tích còn lại); - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (phần diện tích còn lại).	
4	Thửa đất số 224 tờ bản đồ số 35 phường Tân Phong	Tân Phong	224	35	3.032,00	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	51.804.100.000	- Xây dựng phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành.	
5	Thửa 19, tờ 22 (Khu đất công ty Cụ Hùng), phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa	Tân Hiệp	19	22	7.363,90	Đất ở dự án	Đất ở dự án	105.448.100.000	- Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
1.2	Huyện Cẩm Mỹ							309.262.350.000		
6	Khu đất cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao	26,38 24	1 2	559.324,7	Đất cụm công nghiệp	Đất cụm công nghiệp	309.262.350.000	- Chờ UBND huyện tham mưu điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 của khu đất; - Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập lại dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m2)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Triển độ thực hiện	Ghi chú
1.3	Huyện Long Thành				367.690,10			506.184.957.120		
7	1 Khu đất đầu tư diện tích khoảng 36,77 ha tại xã Long Đức	Long Đức	nhieu thửa	5,17,18	367.690,1	Đất ở tại nông thôn	Đất ở dự án	506.184.957.120	- Bảo cáo UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo nội dung bố trí diện tích đất làm nhà ở xã hội; - Hoàn thiện Phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	
1.4	Huyện Thống Nhất				581.327,30			1.328.439.196.000		
8	1 Thửa đất số 1587, tờ bản đồ số 18 thị trấn Dầu Giây	TT Dầu Giây	1587	18	46.523,5	Đất ở dự án	Đất ở dự án	171.585.428.000	- Chờ Quy hoạch xây dựng thị trấn Dầu Giây được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đối với khu đất được đề xuất điều chỉnh mục đích quy hoạch thành đất ở dự án để tổ chức đầu tư; - Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	
9	2 Khu đất Chơ nông sản Dầu Giây giai đoạn 2	Bàu Hàm 2	37,39,28,29,32	80	487.633,8	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.020.734.568.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
10	3 Khu đất Hồ Sen	Hưng Lộc	100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 4, 26, 27, 28, 29, 30, 31	28, 33	47.170,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	136.119.200.000	- Xây dựng lại phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
1.5	Huyện Trảng Borm				42.865,1	-	-	278.206.554.560,0		
11	1 Khu đất Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp ở tại thị trấn Trảng Borm	Trảng Borm	1,2	35	21.727,8	Đất ở tại đô thị + Đất thương mại dịch vụ	Đất ở + Đất thương mại dịch vụ	205.449.385.680	- Trình UBND tỉnh chỉnh sửa, bổ sung phương án đầu tư; - Liên hệ Sở Xây dựng về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đồng Nai; Sở KHĐT về tiến độ thẩm định trình duyệt chủ trương đầu tư	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đấu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
12	Thửa 61, tờ 29 (Khu đất Công ty Minh Huệ)	Trảng Bom	61	29	12.387,60	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	24.633.818.880	- Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
13	Khu đất thu hồi công ty Cổ phần Đồng Tiến	Trảng Bom	7	33	8.749,70	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	48.123.350.000	- Xây dựng phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
II	Các khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng				4.221,8			9.789.000.000		
2.1	Thành phố Biên Hòa				105,8			952.200.000		
14	Thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60	Tân Biên	41	60	105,80	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	952.200.000	- Tam dùng lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp mới ban Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (có hiệu lực kể từ ngày 25/3/2022); - Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; - tổ chức đấu giá tài sản	Khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tuy nhiên do TPTQĐ tỉnh đang thực hiện các thủ tục có liên quan để tổ chức cuộc đấu giá. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh tiếp tục giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thực hiện
2.2	Huyện Cẩm Mỹ				4.116,00			8.836.800.000		
15	Thửa đất số 360 tờ bản đồ số 2	Long Giao	360	2	4.116,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	8.836.800.000	- Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	Khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tuy nhiên do TPTQĐ tỉnh đang thực hiện các thủ tục có liên quan để tổ chức cuộc đấu giá. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh tiếp tục giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thực hiện
Tổng (I+II)								2.842.106.137.680		

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU ĐẤT ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT CẤP HUYỆN THỰC HIỆN

(Đính kèm Kế hoạch số: 137 /KH-STNMT ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Mục đích đấu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)
I	Thành phố Biên Hòa				5.916,3	-	-	66.959.410.000
1	Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 20 phường An Bình	An Bình	40	20	193,5	Đất ở	Đất ở	1.354.500.000
2	Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 33 phường An Hòa	An Hòa	217	33	2.646,9	Đất ở	Đất ở	18.522.000.000
3	Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 23 phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	76	23	126,6	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	886.200.000
4	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 23 phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	104	23	116,5	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.794.100.000
5	Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 11 phường Hòa Bình	Hòa Bình	222	11	62,6	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	1.940.600.000
6	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 36 phường Long Bình Tân	Long Bình Tân	49	36	1.809,3	Đất ở	Đất ở	14.000.000.000
7	Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 18 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	102	18	115,3	Đất ở	Đất ở	3.574.300.000
8	Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 21 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	26	21	168,3	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	3.652.110.000
9	Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 1 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	5	1	258,3	Đất ở	Đất ở	9.815.400.000
10	Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 29 phường Tam Hiệp	Tam Hiệp	62	29	98,9	Đất ở	Đất ở	868.000.000
11	Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 5 phường Thanh Bình	Thanh Bình	558	5	217,1	Đất ở	Đất ở	6.947.200.000
12	Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 2 phường Thống Nhất	Thống Nhất	83	2	103,0	Đất ở	Đất ở	3.605.000.000
II	Huyện Cẩm Mỹ				54.035,0	-	-	89.566.360.000
13	1 Khu đất TMDV giáp bên xe huyện	TT. Long Giao	69	3	3.040,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	2.979.200.000

14	2	Thửa đất số 355 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	355	2	8.049,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	15.776.040.000
15	3	Thửa đất số 357 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	357	2	11.688,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	7.991.872.000
16	4	Thửa đất số 356 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	356	2	8.469,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	12.140.800.000
17	5	Khu đất thu hồi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TT. Long Giao	61	2	3.567,8	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	18.700.800.000
18	6	Thửa đất số 35a tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	35a	2	5.420,0	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	13.550.400.000
19	7	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 48	TT. Long Giao	44	48	5.723,1	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	11.235.028.000
20	8	Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 42	Sông Ray	101	42	668,5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	2.005.500.000
21	9	Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	41	56	240,5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	168.350.000
22	10	Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	59	56	1.803,0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	1.262.100.000
23	11	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	60	56	5.366,1	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	3.756.270.000
III		Huyện Định Quán				183.464,2	-	-	48.465.215.600
24	1	Khu đất giáp khu du lịch thác Ba Giọt, xã Phú Vinh	Phú Vinh	85A, 86, 88, 89	5	7.497,5	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	905.700.000
25	2	Khu đất giáp UBND xã Phú Vinh	Phú Vinh	223	48	1.355,6	Đất sản xuất kinh doanh	Đất sản xuất kinh doanh	2.440.080.000
26	3	Khu đất giáp công viên 17/3	TT Định Quán	1030	14	6.000,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	13.020.000.000
27	4	Khu đất Trại y tế Ngọc Định	Ngọc Định	61	59	2.566,3	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	2.457.621.600
28	5	Khu đất (trường Mạc Định Chi cũ)	Túc Trung	246	56	594,2 1.612,6	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	3.326.400.000
29	6	Khu Đồi du lịch	La Ngà			77.757,0	Đất giao thông	Đất giao thông	
							Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	16.866.794.000

30	7	Điểm du lịch Bàu nước sôi	Gia Canh				56.711,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	6.805.320.000
31	8	Khu Du lịch Thác Mai	Gia Canh				29.370,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	2.643.300.000
IV		Thành phố Long Khánh					37.713,9	-	-	32.300.667.940
32	1	Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 03	Xuân Bình	133	3		9.260,2	Đất ở, Đất thương mại dịch vụ	Đất ở, Đất thương mại dịch vụ	15.784.308.900
33	2	Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	206	9		5.234,0	Đất giáo dục	Đất giáo dục	3.517.248.000
34	3	Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	207	9		11.372,0	Đất giáo dục	Đất giáo dục	6.182.951.040
35	4	Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	209	9		11.445,0	Đất thể thao	Đất thể thao	4.394.880.000
36	5	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01	Xuân Bình	92	1		190,1	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	532.280.000
37	6	Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 07	Xuân Bình	235	7		100,0	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	200.000.000
38	7	Thửa 178, tờ bản đồ số 10	Xuân Bình	178	10		112,6	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	1.689.000.000
V		Huyện Long Thành					5.252,6			15.069.830.000
39	1	Khu đất xí nghiệp khai thác đá 1 (cũ)	Long An	154	41		710,5	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	4.623.000.000
40	2	Thửa đất số 53 tờ bản đồ số 25 xã Long An	Long An	53	25		4.542,1	Đất ở	Đất ở	10.446.830.000
VI		Huyện Tân Phú					2.751,0			2.282.400.000
41	1	Thửa đất số 191 tờ bản đồ số 18	Phú Điền	191	18		430,0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	193.500.000
42	2	Thửa đất số 664 tờ bản đồ số 4	Nam Cát Tiên	664	4		2.321,0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	2.088.900.000
VII		Huyện Thống Nhất					18.810,3	-	-	29.612.910.000
43	1	Thửa đất số 31 tờ bản đồ số 18 thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	31	18		1.084,9	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	3.822.910.000
44	2	Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 1 thị trấn Dầu Giây	Gia Tân 2	203	1		1.418,2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.680.000.000
45	3	Khu đất thương mại dịch vụ thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	26	13		10.420,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	15.290.000.000
46	4	Khu đất thương mại dịch vụ thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	645	13		5.887,2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	8.820.000.000

VIII		Huyện Trảng Bom						21.741,4				14.685.540.000
47	1	Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 04	Bàu Hàm	285	4		1.670,80	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ			1.754.340.000
48	2	Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ tại xã Bình Minh	Bình Minh	421, 422,423, 424, 425, 426, 427,520	10		20.070,60	Cụm làng nghề mỹ nghệ	Cụm làng nghề mỹ nghệ			12.931.200.000
IX		Huyện Vĩnh Cửu					9.183,0	-	-			25.937.060.000
49	1	Thửa đất số 412 tờ bản đồ số 5	Bình Lợi	412	5		619,7	Đất ở	Đất ở			1.623.250.000
50	2	Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 40	Thị trấn Vĩnh An	194	40		1.524,0	Đất ở	Đất ở			2.286.000.000
51	3	Thửa đất số 138 tờ bản đồ số 10	Bình Lợi	138	10		341,7	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			956.760.000
52	4	Thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29	Hiếu Liêm	111	29		2.966,6	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			1.483.300.000
53	5	Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 55	Thị trấn Vĩnh An	123	55		3.731,0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			19.587.750.000
X		Huyện Xuân Lộc					15.192,6					29.064.085.000
54	1	Khu thương mại dịch vụ (thửa 97 tờ bản đồ số 27)	TT. Gia Ray	97	27		1.984,0	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ			2.976.000.000
55	2	Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 16	Suối Cát	66	16		192,5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			231.000.000
56	3	Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 26 xã Suối Cát	Suối Cát	24	26		7.130,2	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			17.825.500.000
57	4	Thửa đất số 10, 22, 53 và 72 tờ bản đồ số 8 thị trấn Gia Ray	TT Gia Ray	10,22,53	72, 8							
58	5	Thửa đất số 77 tờ bản đồ số 8 xã Xuân Hiệp	Xuân Hiệp	77	8		1.925,5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			2.310.600.000
59	6	Thửa đất số 50 tờ bản đồ số 40 xã Xuân Phú	Xuân Phú	50	40		965,3	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			530.915.000
60	7	Thửa đất số 57 tờ bản đồ số 38 xã Xuân Phú	Xuân Phú	57	38		998,8	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			1.198.560.000
61	8	Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 46 xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	6	46		1.097,8	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn			3.073.840.000



62	9	Thửa đất số 488 tờ bản đồ số 110 xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	488	110	191,7	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	210.870.000
63	10	Thửa đất số 145 tờ bản đồ số 35 xã Xuân Trường	Xuân Trường	145	35	706,8	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	706.800.000
		Tổng				354.060,3			353.943.478.540

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: 137 /KH-STNMT ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

TT (số y kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
(1)			(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							Biên Hòa
			Thao trường huấn luyện LLVT thành phố	Trảng Dài	CQP	11,83	Thao trường huấn luyện LLVT thành phố	Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
1	1	1	Trường TH Long Bình 1	Long Bình	DGD	2,17	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) + Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 + VB số 5133/KH-UBND ngày 26/04/2018 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án + QĐ số 4841/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND TP.Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trường Tiểu học Long Bình 1	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
2	2	2	Trường Tiểu học Long Bình 2	Long Bình	DGD	0,81	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) + NQ số 54/NQ-HĐND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
	3	3	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	11,28		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
3	4	4	Xây dựng cầu vòm cái Sít trên hương lộ 2 nối dài	Long Hưng, Tam Phước	DGT	3,87	- UBND tỉnh phê duyệt BC NCKT số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 - Ngày 05/10/2020 đã khởi công trình, tiến độ xây dựng 530 ngày (đang chờ BTCT các trụ T4, T5, T8, T9, T10, thi công móng cọc khoan nhồi trụ T6, T7) - Hiện tại UBND thành phố đã báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh lại thông báo thu hồi đất phần diện tích cầu Vòm Cái Sít nằm trong dự án Khu đô thị KN Biên Hòa để triển khai công tác thu hồi bồi thường - Ngày 17/6/2021 Sở TNMT có Văn bản số 4555/STNMT- QH báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh thông báo thu hồi đất số 75/TB-UBND ngày 04/1/2012	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa

TT (tãy y kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quy không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Nguồn trích dẫn giả	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	5	5	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hòa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Bửu Long	DGT	17,64	- Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh v/v triển khai thực hiện NQ số 22/NQ-HBND ngày 30/7/2021 của HBND tỉnh Đồng Nai đối với dự án Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hòa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu) - NQ số 22/NQ-HBND ngày 30/7/2021 của HBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh CTĐT một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - VB số 7103/UBND-CNN ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai các dự án trong điểm trên địa bàn thành phố - VB số 7941/UBND-XDCB ngày 3/7/2019 của UBND thành phố về việc ủy quyền thay mặt UBND thành phố Biên Hòa thực hiện các công việc của chủ đầu tư theo quy định đối với dự án đường ven sông Đồng Nai - Chủ trương đầu tư: Nghị Quyết số 178/NQ-HBND ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. - Quyết định duyệt dự án đầu tư: Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai. - UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể.	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
4	6	6	Đường trục trung tâm (xây dựng cầu thông nhất và đường dẫn 2 đầu cầu)	Thống Nhất, Hiệp Hòa	DGT	33,39	- NQ số 22/NQ-HBND ngày 30/7/2021 của HBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh CTĐT một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - QĐ số 1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh và việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi - Văn bản số 14695-UBND-BT ngày 04/11/2020 của UBND TP về việc kiến nghị trình TTCP phê duyệt diện tích đất trồng lúa đối với dự án Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường V6 Thị Sầu đến đường Đặng Văn Tron (Cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), tại phường Thống Nhất và phường Hiệp Hòa	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
5	7	7	Trạm biến áp 110kV Tân Mai	Thống Nhất	DNL	0,4	-4427/PCĐN-BQLDA ngày 10/8/2021 của Ủy Điện lực Đồng Nai v/v đăng ký KHSDD các công trình lưới điện 110kV năm 2022 - Công văn số 12166/UBND-KTN ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV phường Tân và được cấp đầu nối	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
6	8	8	Trạm biến áp 110kV Phước Tân và nhánh rẽ đầu nối	Phước Tân	DNL	0,87	Quyết định chấp thuận đầu tư GĐ1 2592/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 với diện tích 35,92ha	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
6	9	9	Dự án Khu nhà ở biệt thự vườn và khu tái định cư tại núi Dông Dài	Phước Tân	ODT	111,49	Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 về việc giao đất đợt 1	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
7	10	10	Khu dân cư An Hòa 2	An Bình	ODT	1,37	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/1/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
8	11	11	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 -Phước Tân	Phước Tân	SKX	13,59	Thông báo thu hồi đất số 4869/TB-UBND ngày 18/7/2011 của UBND tỉnh	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
9	12	12	Nạo vét suối Sân Máu đoạn đầu (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	Tân Biên, Tân Hòa, Hố Nai, Trảng Dài	SON	13,75		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
10	13	13	Đường vào trường THPT Nam Hà	Hiệp Hòa	DGT	0,11	Quyết định chủ trương đầu tư số 3742/QĐ-UBND ngày 14/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa

TT (tên ý kiến_huyện_không in)	TT tính Quý không in (tính số ông in)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
15	22	22	Trường Tiểu học Hòa An 2	Hòa An	DGD	0,86	+ QĐ số 482/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND TP.Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi công trình Trường Tiểu học Hòa An 2 + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) + NQ số 54/NQ-HĐND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
16	23	23	Đường vào trường Mầm non và Tiểu học Tân Tiến A	Tân Tiến	DGT	0,1	- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) - QĐ số 824/UBND-ĐT ngày 13/3/2019 của UBND TP.Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi công trình xây dựng Đường vào trường mầm non Tân Tiến và Trường tiểu học Tân Tiến	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
17	24	24	Khu tái định cư 6,3 ha Bùn Long	Bùn Long	ODT	6,30		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
18	25	25	Khu tái định cư 11,0 ha Bùn Long	Bùn Long	ODT	11,00		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
19	26	26	Khu công Nghiệp Hồ Nai phường Phước Tân	Phước Tân	SKK	102,703		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
20	27	27	Mở rộng Trụ Sở Thị hành ăn Biên Hòa phường Bùn Long	Bùn Long	TSC	1,80		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
21	28	28	Làng Mộ Trinh Hoài Đức phường Trung Dũng	Trung Dũng	DDT	4,70		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
22	29	29	Đường vào trường Phổ thông Trung học Nham Hà	Hiệp Hòa	DGT	1,01	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) + QĐ số 4473/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND TP.Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi công trình Trường Tiểu học Long Bình Tân 2 + NQ số 52/NQ-HĐND ngày 12/07/2018 của UBND thành phố về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên hòa Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND thành phố Biên hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên Hòa	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
23	30	30	Trường TH Long Bình Tân 2	Long Bình Tân	DGD	1,23		Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
24	31	31	Đường vào Trường THCS Ngô Nhon Tỉnh	Quyết Thắng	DGT	0,34	Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường vào trường THCS Quyết Thắng 2 tại phường Quyết Thắng	Bồi thường	Quý I	Biên Hòa
25	32	32	Nút giao thông theo quy hoạch kết nối khu nhà ở Bùn Long vào đường Nguyễn Du	Bùn Long	DGT	0,16		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa

TT (tỷ lệ kiến huyền_kh đồng in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường Hòa	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
26	33	33	Gia cố bờ sông khu vực trụ cầu T9	Bửu Hòa, Hiệp Hòa	SON	1,07	NGHỊ quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm	Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
27	34	34	Đường dây 220kV 2 mạch xuất tuyến TC 220kV trạm 500kV Long Thành - Công nghệ cao	Tam Phước	DNL	3,00	Văn bản số 12173/UBND-CNN ngày 23/10/2017, Công văn số 01/UBND-KTN ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh về thỏa thuận hướng tuyến	Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
28	35	35	Đường dây 4 mạch từ trạm biến áp 220kV Tam Phước đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 2 mạch Long Bình - Long Thành	Phước Tân	DNL	0,14	Văn bản số 13033/UBND-CNN ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến.	Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
29	36	36	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	ODT	1,80	Căn cứ Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chủ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.	Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
30	37	37	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (9,4 ha)	Tam Hiệp	ODT	9,45	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công	Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
31	38	38	Khu dân cư theo QL1 tránh TP Biên Hòa (Công ty Đồng Thuận)	Phước Tân	ODT	10,42		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
32	39	39	Khu đô thị mới KN Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	ODT	774,09	- Thông báo thu hồi đất số 75/TB-UBND ngày 4/9/2012 của UBND tỉnh; - Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 8/5/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
33	40	40	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Tam Phước	ODT	25,60		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
34	41	41	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Tân Phong	ODT	1,07		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
35	42	42	Khu nhà ở chung cư cao tầng đường QL 1K	Hòa An	ODT	0,52		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
36	43	43	Giáo xứ Tân Lộc	Tân Mai	TON	0,07		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
37	44	44	Đường từ nút giao vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu	Trung Dũng, Thống Nhất	DGT	10,90		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
38	45	45	Đường QH -10	Quang Vinh	DGT	0,45		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
39	46	46	Đường QH -D8	Quang Vinh	DGT	0,40		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
40	47	47	Hầm chui kết nối dự án đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị	Bửu Long, Hòa Bình	DGT	2,10		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
41	48	48	Đường nối từ khu dân cư phục vụ tái định cư Tam Hiệp 9,4 ha ra đường Trần Quốc Toàn	Tam Hiệp, Bình Đa	DGT	0,29		Bồi thường	Quý IV	Biên Hòa
42	49	49	Đường kết nối đường Huỳnh Văn Nghệ và đường ven sông Đồng Nai (đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài)	Bửu Long	DGT	0,20		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
43	50	50	Nâng cấp đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ đường vào khu công nghiệp Biên Hòa 2 đến nút giao tuyến tránh QL1)	Long Bình, Long Bình Tân, An Bình, An Hòa	DGT	21,18		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
44	51	51	Kè ven sông Đồng Nai đoạn từ cầu Hòa An đến cầu Ghềnh phường Bửu Hòa và Hòa An	Bửu Hòa, Hòa An	SON	9,78		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa

TT (tính kiến huyện_kh ông to)	Quy _không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
45	52	52	Chợ truyền thống Tân Vạn	Tân Vạn	DCH	0,49		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
46	53	53	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước Tân	ODT	45,98		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
47	54	54	Xây dựng Khu dân cư tại phường Hòa An (19 ha)	Hòa An	ODT	19,00		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
48	55	55	Xây dựng Khu dân cư tại phường Hòa An (22,2 ha)	Hòa An	ODT	22,20		Bồi thường	Quý II	Biên Hòa
49	56	56	Xây dựng Khu dân cư tại phường Hòa An (44,45 ha)	Hòa An	ODT	44,45		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
50	57	57	Các khu đất dọc tuyến Đường Hương lộ 2 giai đoạn I (04 khu đất)	An Hòa	ODT	44,17		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
51	58	58	Các khu đất dọc tuyến đường nối từ ngã tư Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu	Trung Dũng, Thống Nhất	ODT	25,55		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
52	59	59	Các khu đất dọc tuyến đường Trục trung tâm thành phố từ cầu Thống Nhất đến đường Đặng Văn Tron	Hiệp Hòa	ODT	336,00		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
53	60	60	Các khu đất dọc đường ven sông Cái (đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản)	Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	ODT	49,95		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
54	61	61	Các khu đất dọc đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh)	Hóa An, Bùn Hòa	ODT	18,73		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
55	62	62	Các khu đất dọc đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến huyện Vĩnh Cửu)	Bùn Long	ODT	34,03		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
56	63	63	Khu dân cư theo quy hoạch	Hóa An	ODT	1,09		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
57	64	64	Khu dân cư theo quy hoạch	Bùn Hòa	ODT	0,29		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
58	65	65	Khu dân cư theo quy hoạch	Tân Phong	ODT	26,60		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
59	66	66	Khu dân cư theo quy hoạch	Bùn Long, Tân Phong, Quang Vinh	ODT	15,98		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
60	67	67	Khu dân cư theo quy hoạch	An Hòa	ODT	68,62		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
61	68	68	Khu dân cư theo quy hoạch (thửa 26: tờ 49)	Trảng Dài	ODT	1,66		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
62	69	69	Khu nhà ở Xã hồi	Tân Hòa	ODT	1,86		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
63	70	70	Khu chung cư nhà ở Xã hồi	Long Bình	ODT	0,95		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
64	71	71	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Bình	ODT	18,80		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
65	72	72	Khu nhà ở xã hồi	Long Bình Tân	ODT	1,41		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
66	73	73	Đường liên khu phố 3,4 phường Long Bình	Long Bình	DGT	0,78		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
67	74	74	Nạo vét bờ trái bờ trái tuyến rạch Cầu Cầu (Suối Xiép) đoạn qua phường Bửu Hòa, phường Hòa An	Bửu Hòa, Hòa An	SON	3,84		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
68	75	75	Tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1 tại phường Hồ Nai	Hồ Nai	DGT	0,03	Được duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị Quyết số 15/8/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Hội Ban QLDA đã trình thẩm định báo cáo Nghiên cứu Khả thi tài văn bản số 667/BOLDADTXD-CTN ngày 05/05/2021.	Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
69	76	76	Khu dân cư Tân Hòa (phần đường giao thông)	Tân Hòa	ODT	0,05		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
70	77	77	Khu dân cư theo quy hoạch	An Bình	ONT	3,00		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa

TT (tấy ý kiến huyện, không in)	TT tính Quý (không in)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
71	78	78	Khu dân cư theo quy hoạch	An Bình	ONT	6,70		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
72	79	79	Khu dân cư theo quy hoạch	An Bình	ONT	2,40		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
73	80	80	Kè gia cố bờ sông đoạn từ Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến Cầu An Hảo	Tam Hiệp, An Bình	SON	1,60	Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh đối với Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn từ trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình	Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
81	81	81	Đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 nối dài (Đoạn 1).	An Hòa, Long Hưng	DGT	12,80	- HĐND tỉnh điều chỉnh quy mô địa điểm khoảng 12,07ha và cho phép tiếp tục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020; - Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán xây dựng đường Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1-giai đoạn 1) - Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1- giai đoạn 1); - Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án	Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
74	82	82	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phục vụ Tái định cư phường Quang Vinh (0,4 ha)	Quang Vinh	ODT	0,05		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
75	83	83	Dự án xây dựng Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và Tái định cư tại Phường Bửu Long (0,63)	Bửu Long	ODT	13,00		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
76	84	84	Đường Giao thông dọc suối Sắn Máu	Thống Nhất	DGT	11,58	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1) + NQ số 74/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND TP.Biên Hòa v/v quyết định CTĐT dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trên địa bàn TP.Biên Hòa + Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Sắn Máu theo quy hoạch + Văn bản số 14189/UBND-ĐT ngày 10/10/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v đầu tư các tuyến đường giao thông theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Biên Hòa	Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
77	85	85	Khu dân cư An Bình Mở rộng (Trạm y tế An Bình)	An Bình	ODT	0,03		Bồi thường	Quý III	Biên Hòa
86	86	86	Thao trường huấn luyện LLVT thành phố	Trảng Dài	CQP	11,83	Thao trường huấn luyện LLVT thành phố	Bồi thường		Biên Hòa

TT (tất ý kiến huyền_kh ông in)	Quỹ _không in (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	87	87	Dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (Suối Xiếp) đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp				Theo chỉ đạo tại văn bản số 1786/UBND_KTNS của UBND	Bồi thường		Biên Hòa
	88	88	Dự án đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu thông Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố Biên hòa.					Bồi thường		Biên Hòa
93	1	119	Khu dân cư Long Hưng	Long Hưng	ONT	4,00	Theo Quyết định số 3966 ngày 3/12/2013 của UBND Tỉnh về việc duyệt điều chỉnh các bộ chỉ tiêu xây dựng 1/2000 KCN Amata và Công văn số 4734/UBND-ĐT ngày 22/6/2015 của UBND Tỉnh v/v chấp thuận cho Công ty cổ phần Amata đầu tư mở rộng KCN Amata.	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
94	2	120	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên	An Hòa	ODT	8,05		Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
95	3	121	Khu tái định cư phục vụ dự án Mỏ rộng trường THCS Hòa Hưng	An Hòa	ODT	0,23		Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
96	4	122	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Dầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Hiệp Hòa	ODT	28,60	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
97	5	123	Khu tái định cư đường tránh QL1A (Công ty Đồng Thuận)	Phước Tân	ODT	0,60		Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
98	6	124	Dự án Khu nhà ở biệt thự vườn và khu tái định cư tại núi Dong Dại	Phước Tân	ODT	111,49	Quyết định chấp thuận đầu tư GD1 2592/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 với diện tích 35,92ha Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 về việc giao đất đợt 1	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
	7	125	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Tân Hạnh	Tân Hạnh	ODT	4,20	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1). + QĐ số 2970/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 v/v duyệt CTĐT dự án xây dựng hạ tầng KDC phục vụ TĐC xã Tân Hạnh + Căn cứ NQ 179/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai v/v bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện các dự án năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
99	8	126	Khu tái định cư số 91 (Ban quản lý dự án)	Tân Hiệp	ODT	0,60	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa. - Quyết định giao đất số 4617/QĐ-UBND ngày 26/12/2007 của UBND tỉnh - Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 6/6/2013 của UBND tỉnh, điều chỉnh OD 4617	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
100	9	127	Khu dân cư và Tái định cư Tân Biên 2 (Cty Tín Nghĩa)	Tân Biên	ODT	0,23		Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa

TT (tính kiến huyện, kh ông in)	TT tính Quy _không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
101	10	128	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư Tân Phong 2	Tân Phong	ODT	1,33	+ Quyết định giao đất số 3495/QĐ-Ct UBND ngày 29/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định điều chỉnh giao đất số 745/QĐ-UBND ngày 12/03/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai. + QĐ số 1801/QĐ-UBND ngày 8/5/2014 phê duyệt BCKTKT. + Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND TP về việc phê duyệt giá đất cụ thể + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1) + QĐ số 1046a/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của UBND TP. Biên Hòa v/v phê duyệt CTĐT công trình: xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ TĐC Tân Phong 2 - Văn bản số 7795/UBND-KTN ngày 15/6/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v tiếp nhận bàn giao dự án Xây dựng Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa (4,5 ha) - Văn bản số 1313/QLĐT-GT ngày 07/7/2021 của phòng QLĐT TP. Biên Hòa v/v tiếp nhận bàn giao và đề xuất CTĐT khu đất 4.5 ha nằm trong Trảng Dài	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
102	11	129	Xây dựng Khu dân cư theo quy hoạch phường Trảng Dài	Trảng Dài	ODT	4,50	- Văn bản số 1313/QLĐT-GT ngày 07/7/2021 của phòng QLĐT TP. Biên Hòa v/v tiếp nhận bàn giao và đề xuất CTĐT khu đất 4.5 ha nằm trong Trảng Dài	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
103	12	130	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	ODT	1,80	Căn cứ Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.	Tỉnh Tiền	Quý I	Biên Hòa
104	13	131	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư phường Tân Biên	Tân Biên	ODT	0,79	- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1). - VB số 4173/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND TP. Biên Hòa v/v duyệt CTĐT công trình Xây dựng hạ tầng Khu TĐC phường Tân Biên, TP. Biên Hòa. - Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa. - Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
105	14	132	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh (Công ty An Hưng Phát)	Long Bình Tân	ODT	0,12		Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
106	15	133	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư	Quang Vinh	ODT	0,55	- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1). - QĐ số 4845/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND TP. Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng hạ tầng KDC phục vụ TĐC tại phường Quang Vinh (0,4ha).	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
107	16	134	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tân Vạn	Tân Vạn	ODT	3,24	+ QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1) + Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020. + QĐ số 574/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND TP. Biên Hòa v/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tân Vạn.	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa

TT (lấy ý kiến huyện_kh ông in)	Quy không in (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
108	17	135	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư phường Thông Nhứt	Thông Nhứt	ODT	0,76	+ Quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. + QĐ số 3280/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể. + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1)	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
109	18	136	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư 2 phường Tân Hiệp	Tân Hiệp	ODT	2,15	N.Q số 19/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND TP Biên Hòa v/v phê duyệt CTĐĐT dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn TP Biên Hòa - Quyết định duyệt dự án: 4474/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư số 2661/QĐ-UBND ngày 25/5/2020.	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
#####	19	137	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa (3ha)	Bình Đa	ODT	2,61	- UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
20	138		Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (9,4 ha)	Tam Hiệp	ODT	9,45	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
21	139		Hạ tầng Khu tái định cư 2	Long Bình Tân	ODT	1,50	- NQ 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa - Văn bản số 12360/UBND-DT ngày 01/10/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc đầu tư khu tái định cư phục vụ dự án trọng điểm tại khu đất 4,8ha tại phường Long Bình Tân - Văn bản số 8375/UBND-DT 30/6/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh quy mô dự án Khu tái định cư tại phường Long Bình Tân (khu đất 4,8ha của Klot 1250).	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
22	140		Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trang An)	Tam Phước	ODT	46,56	Quyết định số 2850 ngày 6/9/2013 của UBND Tỉnh duyệt quy hoạch chi tiết 1/500: QĐ thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và QĐ 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 để diện tích thu hồi của QĐ 2769	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
23	141		Khu dân cư và tái định cư số 44 (Công ty CP phát triển hạ tầng An Hưng Phát)	Phước Tân	ODT	12,50	VB số 2936/QĐ-UBND ngày 22/08/2017 của UBND tỉnh đồng ý về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
24	142		Khu dân cư theo QL1 tránh TP Biên Hòa (Công ty Đồng Thuận)	Phước Tân	ODT	10,42	Quyết định giao đất số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 (1 phần)	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
25	143		Khu đô thị mới KN Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	ODT	774,09	- Thông báo thu hồi đất số 75/TB-UBND ngày 4/9/2012 của UBND tỉnh. - Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 8/5/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
26	144		Khu dân cư dự án số 6 (Công ty Phú Thuận Lợi)	Tam Phước	ODT	19,10	QĐ số 2207/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, Thông báo số 560/TB-UBND ngày 20/1/2012	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa
27	145		Khu dân cư Tân Hạnh	Tân Hạnh	ODT	0,40	UBND tỉnh chấp thuận xử lý thu hồi đất tại Văn bản số 2832/UBND-CNN ngày 26/3/2018	Tỉnh tiền	Quý II	Biên Hòa

TT (lấy ý kiến huyện, không in)	TT tính Quy không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	28	146	Khu dân cư phức hợp Felicity (Công ty TNHH thương Mại Blue Diamond Đồng Nai)	Thống Nhất	ODT	3,71	- Văn bản số 12443/UBND-PTN ngày 13/6/2021 của UBND TP.Biên Hòa v/v bổ sung các dự án KDC, khu đô thị trên địa bàn TP.Biên Hòa vào danh mục, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của PL về nhà ở, chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025 (mở rộng phần khu đất trường MN Sơn Long) - Quyết định chủ trương đầu tư số 4238/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai - Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của PCT UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Công văn số 14395/UBND-ĐT ngày 12/10/2018 của UBND thành phố về việc góp ý hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư Đã có quyết định thu hồi đất 1 phần diện tích 3,1 ha	Tinh tiền	Quý II	Biên Hòa
	29	147	Khu dân cư - TMDV số 22 (Công ty Phúc Hiếu)	Bình Hòa, Tân Vạn	ODT	19,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 1231/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 về việc quyết định chủ trương đầu tư	Tinh tiền	Quý II	Biên Hòa
	30	148	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình) cũ	An Bình	ODT	2,40	Quyết định giao đất số 877/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 và Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 21/7/2014-Tên cũ: Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư số 26 (công ty CP kinh doanh nhà Đồng Nai)	Tinh tiền	Quý II	Biên Hòa
	31	149	Khu dân cư số 3	Bình Long	ODT	36,51	Quyết định số 3462/QĐ-UBT ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Tinh tiền	Quý II	Biên Hòa
	32	150	Khu nhà ở cao tầng kết hợp Trường mẫu giáo (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Long Bình Tân	ODT	0,99	Văn bản 276A/KĐN ngày 07/9/2021 của Công ty + VB số 10949/UBND-KTN ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh giao cho UBND thành phố Biên Hòa quản lý, lập thủ tục đầu tư dự án làm khu tái định cư + Thông báo thu hồi đất số 1070/TB-UBND ngày 8/6/2011 của UBND TP. Biên Hòa; + Công văn thỏa thuận địa điểm số 2740/UBND-ĐT ngày 12/5/2014 của UBND thành phố Biên Hòa	Tinh tiền	Quý III	Biên Hòa
	33	151	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Thống Nhất	ODT	13,73	Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 số 2210/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh; VB số 132/UBND-CNN ngày 5/1/2018 của UBND tỉnh v/v chủ trương ĐC ranh QH dự án (giai đoạn 2) của Cty D2D	Tinh tiền	Quý III	Biên Hòa
	34	152	Khu dân cư phường Trảng Dài (giai đoạn 2)	Trảng Dài	ODT	1,05	- Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa - Công văn số 11102/UBND-KTN ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư phường Trảng Dài, TP.Biên Hòa của Công ty CP XD dân dụng CN số 1 Đồng Nai. - Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 25/04/2014 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất bà Nguyễn Thị Thuận - Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường	Tinh tiền	Quý III	Biên Hòa
	35	153	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Long Bình Tân	ODT	5,51	Công văn số 80/2017/CV-TTTPCorp ngày 21/8/2017 của Cty Toàn Thịnh Phát v/v đăng ký KH SDD năm 2018 cho dự án	Tinh tiền	Quý III	Biên Hòa
			Khu dân cư số 93 (Cty XD Miền Đông)	Long Bình Tân	ODT	0,07	Quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích thu hồi và giao đất số 2282/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh	Tinh tiền	Quý III	Biên Hòa

TT (tấy y kiến huyền_kh ông in)	Quỹ không in (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Kỹ nghệ loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	36	154	Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ Diamond Square (Công ty CP Gotec Land)	Thống Nhất	ODT	4,02	- Nghị quyết số 14/2018/QĐ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sự dụng đất rừng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 của tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 4043/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 5056/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất. - Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa
	37	155	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Tân Phong	ODT	1,07	Quyết định số 11/2000/QĐ-TTg ngày 22/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất cho công ty phát triển đô thị và KCN thuộc Bộ Xây dựng. Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 7/7/2000 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt dự án đầu tư Quyết định số 2764/QĐ-CT.UBT ngày 28/7/1999 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm để lập thủ tục đầu tư xây dựng + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 5/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1) + Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên Hòa + Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 23/04/20019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 + Căn cứ NQ số 78/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND TP. Biên Hòa về quyết định CTDT dự án nhóm B, trong điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa. + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1) + Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 + QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1).	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa
	38	156	Khu nhà ở chung cư cao tầng đường QL 1K	Hòa An	ODT	0,52	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
	39	157	Khu dân cư phục vụ tài chính cư phường Bình Đa 2	Bình Đa	ODT	1,45	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa
	40	158	Khu tài chính cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Thống Nhất, Tân Mai	ODT	8,60	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
	41	159	Khu tài chính cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai 2	Thống Nhất, Tân Mai	ODT	8,70	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa
	42	160	Khu dân cư Bưu Hòa Phát	Bưu Hòa	ODT	5,68	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa
	43	161	Khu dân cư An Hòa 2	An Bình	ODT	1,37	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư	Tỉnh tiền	Quý III	Biên Hòa

TT (lấy ý kiến huyện ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	44	162	Khu dân cư tạo vốn số 3 (phục vụ dự án đường từ cầu Bình Hòa đến Quốc lộ 1K)	Bình Hòa, Tân Vạn	ODT	40,88	Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 - Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 17/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án, - Quyết định số 5056/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Biên Hòa. - Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, dự án cơ sở dùng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 của tỉnh Đồng Nai. - Đã được UBND TP Biên Hòa xác nhận hoàn thành công tác bồi thường dự án tại Văn bản số 15954/UBND-DT ngày 02/12/2020. - Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 03/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư	Tính tiền	Quý III	Biên Hòa
	45	163	Khu nhà ở cao cấp Diamond Central (Công ty CP Gotec Land)	Thống Nhất	ODT	0,98	QĐ 2430/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh CTĐT QĐ 167/QĐ-UBND ngày 14/1/2021 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh CTĐT (lần 2) - Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trong điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm - Quyết định Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu: Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND Tỉnh Đồng Nai - Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch: Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố Biên Hòa. - QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1).	Tính tiền	Quý III	Biên Hòa
	46	164	Nhà ở cao cấp Diamond Central A	Thống Nhất	ODT	0,27				
	47	165	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,30 ha	Bình Long	ODT	6,30		Tính tiền	Quý IV	Biên Hòa
	48	166	Hạ tầng khu tái định cư 11ha	Bình Long	ODT	11,40	- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1) - Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trong điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. - Nghị quyết số 102/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND thành phố Biên Hòa sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.	Tính tiền	Quý IV	Biên Hòa

TT (lấy ý kiến_huyện_không in ông in)	Quyết không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
49	167		Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư phường Tân Biên (dự án 2)	Tân Biên	ODT	5,90	- QĐ số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP. Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP. Biên Hòa (lần 1). - NQ số 106/NQ-HĐND ngày 31/8/2020 của HĐND thành phố v/v Quyết định CTĐT và điều chỉnh CTĐT dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn TP. Biên Hòa. - Văn bản số 9005/UBND-ĐT ngày 13/07/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư phường Tân Biên - Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/06/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai quản lý - Văn bản số 3244/SXD-QLQHKLT ngày 27/8/2021 của SXD về lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện và thành phố (lần 2) - UBND tỉnh chấp thuận sử dụng vào mục tiêu nhà ở xã hội, chuẩn bị đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư - Văn bản số 668/TTP/QĐ-QLPTĐT ngày 19/08/2020 của TTP/QĐ tỉnh về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Biên Hòa Quyết định 228/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
50	168		Khu nhà ở xã hội	Tân Hòa	ODT	2,85	- UBND tỉnh chấp thuận sử dụng vào mục tiêu nhà ở xã hội, chuẩn bị đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư - Văn bản số 668/TTP/QĐ-QLPTĐT ngày 19/08/2020 của TTP/QĐ tỉnh về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn thành phố Biên Hòa Quyết định 228/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
111	51	169	Nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sỹ LL VT QK7	Trảng Dài, Tân Phong	ODT	4,35	Quyết định 228/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
112	52	170	Khu dân cư - thương mại (Xuân Thủy)	Trảng Dài	ODT	1,62	Quyết định chủ trương đầu tư số 262/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
113	53	171	Khu nhà ở Tân Vạn	Tân Vạn	ODT	0,96	+ Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư + Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư + Quyết định cho phép chuyển mục đích số 679/QĐ-UBND ngày 6/3/2020 của UBND tỉnh (đt 0,79ha) QĐ CTĐT số 3348/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
114	54	172	Khu dân cư theo quy hoạch	Tam Hiệp	ODT	5,44	QĐ CTĐT số 3349/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
115	55	173	Khu dân cư theo quy hoạch	Tân Biên	ODT	3,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1958/QĐ-UBND ngày 11/06/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
116	56	174	Khu dân cư cao cấp Đại Phong	Tân Vạn	ODT	8,36	Quyết định chủ trương đầu tư số 260/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
117	57	175	Khu dân cư - thương mại Phú Gia	Trảng Dài	ODT	4,08	QĐ CTĐT số 1134/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
118	58	176	Khu dân cư, đô thị và dịch vụ, thương mại Hòa An	Hòa An	ODT	3,27		Tỉnh tiền	Quý IV	Biên Hòa
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất							Biên Hòa
119	1	177	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	An Hòa	TMD	179,50	- Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch và đô thị Sơn Tiên số 424/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của UBND tỉnh (Trong đó khu đô thị Sơn Tiên có diện tích 180,5ha) - Công văn số 19 ngày 31/3/2015 của City CP Thành phố Du lịch sinh thái Sơn Tiên đăng ký nhu cầu sử dụng đất. - Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ-CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh	Thuê đất	Quý IV	Biên Hòa
120	2	178	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Lạng Bình	TMD	2,17	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh	Thuê đất	Quý IV	Biên Hòa

TT (lấy ý kiến huyện_kh ông in)	Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
139	16	192	Khu đất số 80 khu bán thủy Nguyễn Văn Trĩ)	Thanh Bình	TMĐ	0,13	Quyết định thu hồi số 1646/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	Thuế đất	Quý II	Biên Hòa Cẩm Mỹ
		Tường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất								
	1	1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	CQP	10,00	Văn bản số 631/BCH-TM ngày 19/07/2019 của Ban chỉ huy quân sự huyện Cẩm Mỹ V/v bổ sung quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn huyện	Bồi thường	Quý I	Cẩm Mỹ
	2	2	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	CQP	36,00	Quyết định số 936/QĐ-TM ngày 23/06/2017 của Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam về việc Quy hoạch vị trí đóng quân bãi hủy đạn và xử lý vật liệu nổ kho 862.	Bồi thường	Quý I	Cẩm Mỹ
	3	3	Mở rộng tường bản Cam Tiêm	Long Giao	CQP	18,89	Theo đề nghị về nhu cầu sử dụng đất của Sư đoàn 302 tại Văn bản số 1604/SD-TM ngày 08/12/2020	Bồi thường	Quý II	Cẩm Mỹ
	4	4	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thửa Đức	SKK	300,00	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của UBND xã Thửa Đức Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân.	Bồi thường	Quý II	Cẩm Mỹ
	5	5	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	DGT	152,88	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đang thi công	Bồi thường	Quý II	Cẩm Mỹ
	6	6	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	DGT	7,20	Đã có Quyết định thu hồi đất (đất cao su), Đã có TB, KH thu hồi đất (đối với đất hồ gia đình, cá nhân).	Bồi thường	Quý III	Cẩm Mỹ
	7	7	Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	DGT	0,08	Đã có Thông báo, Kế hoạch thu hồi đất, Đang lập hồ sơ thu hồi đất	Bồi thường	Quý III	Cẩm Mỹ
	8	8	Nâng cấp mở rộng đường ấp 3 Lâm Sơn đi Quảng Thành	Lâm Sơn	DGT	14,59	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp đường ấp 3 - Quảng Thành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công (dợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ	Bồi thường	Quý III	Cẩm Mỹ
	9	9	Đường Sông Nhan - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhan	DGT	0,40	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh 2019 Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án Xây dựng đường Sông Nhan - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất	Bồi thường	Quý IV	Cẩm Mỹ
	10	10	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm Sơn, Sông Ray	DTL	0,37	Văn bản số 7354/UBND-KT ngày 28/06/2019 của UBND tỉnh V/v chủ trương đầu tư một số dự án hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ	Bồi thường	Quý IV	Cẩm Mỹ

TT (tất ý kiến huyện_đồng in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	11	11	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây dẫn nối	Xuân Đông	DNL	1,10	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh: V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến dây dẫn nối	Bồi thường	Quý IV	Cẩm Mỹ
	12	12	Trạm Chấn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	DTS	0,20	Văn bản số 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chấn nuôi và Thú y huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất	Bồi thường	Quý IV	Cẩm Mỹ
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							
			Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	ONT	1,00	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất ĐC và đầu tư QSDĐ	Tinh Tiền	Quý I	Cẩm Mỹ
			Khu dân cư - Công ty Bửu Long	Sông Ray	ONT	0,50	Văn bản số 83/ĐPTBTL-HCNS ngày 20/10/2020 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long V/v QHSDĐ tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	Tinh Tiền		Cẩm Mỹ
5			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuế đất							
			Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hương (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	TMD	0,19	Chủ đầu tư đang lập hồ sơ chủ trương đầu tư, nhưng chưa triển khai các bước tiếp theo do phải điều quy hoạch nông thôn mới	Thuế đất		Cẩm Mỹ
			Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng	Bảo Bình	TMD	3,00	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai	Thuế đất	Quý I	Cẩm Mỹ
			Trạm xăng dầu Linh Trang Phát	Long Giao	TMD	0,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3327/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh	Thuế đất		Cẩm Mỹ
6	1	28	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	SKC	4,10	Chủ đầu tư đang lập hồ sơ chủ trương đầu tư, nhưng chưa triển khai các bước tiếp theo do phải điều quy hoạch nông thôn mới	Thuế đất	Quý II	Cẩm Mỹ
7			Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	SKC	2,69	Văn bản số 5151/UBND-CNN ngày 09/05/2019 của UBND tỉnh V/v hồ sơ thuế đất dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công may mặc tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ của Công ty TNHH Lê Hòe	Thuế đất	Quý III	Cẩm Mỹ
			Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi	Xuân Đông	SKC	0,26	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai	Thuế đất		Cẩm Mỹ
			Cơ sở giết mổ tập trung	Xuân Quế	SKC	0,72	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai	Thuế đất		Cẩm Mỹ
			Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	DVH	0,76	Đã có Quyết định cho thuê đất với diện tích 4.156 m ² Phần diện tích 0,76 ha còn lại chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2020 để thực hiện giao, cho thuê đất.	Thuế đất		Cẩm Mỹ
	2	29	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	SKK	300,00			Quý IV	Cẩm Mỹ
	3	30	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	SKN	57,35			Quý IV	Cẩm Mỹ
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							Định Quian

TT (lấy ý kiến_huyện_không_đồng_ý)	Quỹ_in_không_đồng_ý (tính_số_thứ_tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
1	1	1	Đường ven sông Đồng Nai	Phù Tân, Phú Vĩnh	DGT	3,00	- Đã có kế hoạch bố trí vốn đầu tư công năm 2022 của huyện. Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chịu tương đương từ một số dự án. - Đã có Quyết định thu hồi đất một phần (đã thu hồi đất 3 đợt).	Bồi thường	Quý I	Định Quận
2	2	2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-763 đoạn từ km0+000 đến km29+500	Phù Túc, Suối Nhỏ	DGT	27,61	- Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với dự án Nâng cấp đường Tỉnh lộ 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán - Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án Khu tái định cư Lý Thái Tổ (đường Lý Thái Tổ - đoạn giao thông đường Trần Phú đến tương THPT Định Quán)	Bồi thường	Quý I	Định Quận
2	3	3	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	TT. Định Quán	DGT	0,40	- Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư Thủy Lợi phục vụ tưới Vùng Mía Định Quán (Đợt 1) tại xã Gia Canh, huyện Định Quán; - Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư Thủy lợi phục vụ tưới Vùng mía Định Quán (Đợt 2) tại xã Gia Canh, xã Phú Hòa, huyện Định Quán; - Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán (đoạn chổng lán) tại xã Gia Canh và xã Phú Hòa huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý II	Định Quận
4	4	4	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DTL	11,50				
5	5	5	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Ngọc Định	DVH	2,50	Công trình đã xây dựng xong, có kế hoạch chuyển tiếp vốn sang năm 2022 để hoàn thành thủ tục đất đai	Bồi thường	Quý I	Định Quận
6	6	6	Trưởng Mầm Non Hòa Cúc (điểm ăp 7)	Phù Tân	DGT	0,25	Công trình đã có hiện trạng, đang lập hồ sơ giao đất	Bồi thường	Quý I	Định Quận

TT (lấy ý kiến huyện/không in)	TT tính	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
3	7	7	Đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện Phú Tân 2	Phú Vinh	DNL	0,80	Văn bản số 12254/UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến: đường dây 110kV đấu nối Thủy điện Phú Tân 2	Bồi thường	Quý II	Định Quán
4	8	8	Đường dây 110 kV một mạch Định Quán 2 - Vĩnh An	La Ngà, Túc Trung, Phú Cường	DNL	0,33	- Công văn số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An; - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng Công ty điện lực MN về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An; - Quyết định số 3322/QĐ-EVN SPC ngày 09/10/2018 của Tổng công ty điện lực MN về việc điều chỉnh, chuyển giao đơn vị thực hiện đầu tư XDCT thuộc dự án vận hành AFD	Bồi thường	Quý III	Định Quán
5	9	9	TBA 220kV Định Quán và đường dây đấu nối	Phú Vinh	DNL	5,00	Đã được UBND tỉnh thỏa thuận tại văn bản số 8756/UBND-KTN ngày 31/7/2019	Bồi thường	Quý IV	Định Quán
6	10	10	Mạch 2 đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mây	Phú Tân, Phú Vinh, TT.Định Quán, Ngạc Định, Phú Ngạc, La Ngà, Túc Trung, Phú Cường	DNL	1,33	Đã được UBND tỉnh thỏa thuận tại văn bản số 1613/UBND-CNN ngày 15/02/2019	Bồi thường	Quý III	Định Quán
7	1	22	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Phú Lợi	ONT	3,62	- Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ Dự án Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi tại xã Phú Lợi, huyện Định Quán. - Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán. (Đợt 1) - Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán. (Đợt 2)	Tinh tiền	Quý I	Định Quán
8	2	23	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	TT.Định Quán	ODT	19,68	- Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Tái định cư Đường Lý Thái Tô tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Tinh tiền	Quý I	Định Quán
9			Khu tái định cư đường Lý Thái Tô	TT.Định Quán	ODT	1,00	- Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Tái định cư Đường Lý Thái Tô tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Tinh tiền	Quý II	Định Quán
10			32 lô đất khu tái định cư ấp 3	La Ngà	ONT	0,63	Chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Định Quán năm 2022	Tinh tiền	Quý III	Định Quán

TT (tỷ lệ _không in huyền_kh ong m)	Quy _không in (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
			Khu TĐC chợ Suối Nho (Khu Tái định cư ấp 1 xã Suối Nho)	Suối Nho	ONT	0,27	Thông báo số 180/TB-UBND ngày 22/6/2018 của UBND huyện về kết luận cuộc họp với các ngành liên quan đến dự án đầu tư xây dựng chợ Suối Nho. Dự án phục vụ tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án chợ Suối Nho	Tính tiền		Định Quán
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất							Định Quán
			Trạm xăng dầu Phú Tân	Phú Tân	TMD	0,12	- Đã có Quyết định chủ trương đầu tư. - Văn bản 6058/STC-TCĐN ngày 12/11/2020 về việc có ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án Trạm xăng dầu Phú Tân tại huyện Định Quán do Công ty CP Tổng công ty Tin nghĩa đề nghị	Thuế đất		Định Quán
1	24		Trang trại chăn nuôi (Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Tâm Hải)	Phú Hòa	NKH	12,23	Số 822/UBND-KT ngày 11/3/2020 của Huyện Định Quán về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng dự án 1/500 dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi 180.000 con gà thịt của Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Tâm Hải	Thuế đất	Quý I	Định Quán
2	25		Trang trại chăn nuôi heo giống Phi Long tại ấp 7, xã Phú Ngọc do Công ty TNHH chăn nuôi Phi Long làm chủ đầu tư.	Phú Ngọc	NKH	27,25	Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi heo giống Phi Long	Thuế đất	Quý II	Định Quán
11			Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sỏi	Gia Canh	TMD	5,67	- Nghị quyết 199/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về việc thông nhất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sản xuất thuộc Ban quản lý rừng Phòng hộ Tân Phú quản lý sang mục đích đất thương mại dịch vụ để thực hiện Dự án du lịch sinh thái môi trường tại huyện Định Quán - Nghị quyết 199/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về việc thông nhất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sản xuất thuộc Ban quản lý rừng Phòng hộ Tân Phú quản lý sang mục đích đất thương mại dịch vụ để thực hiện Dự án du lịch sinh thái môi trường tại huyện Định Quán	Thuế đất	Quý II	Định Quán
			Điểm du lịch sinh thái Thác Mai	Gia Canh	TMD	2,94		Thuế đất	Quý III	Định Quán
3	26		Khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Phú Cường	Phú Cường	TMD	19,20	Quyết định số 5684/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giãn tiến độ thực hiện dự án Điểm nghỉ dưỡng giải trí Phú Cường tại xã Phú Cường, huyện Định Quán của Công ty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh	Thuế đất	Quý III	Định Quán
			Trạm xăng dầu Phú Tân	Phú Tân	TMD	0,12	- Đã có Quyết định chủ trương đầu tư. - Văn bản 6058/STC-TCĐN ngày 12/11/2020 về việc có ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án Trạm xăng dầu Phú Tân tại huyện Định Quán do Công ty CP Tổng công ty Tin nghĩa đề nghị	Thuế đất		Định Quán

TT (lấy ý kiến huyện, không in)	TT (lấy ý kiến huyện, không in)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
			Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt	Phú Vinh	TMD	2,71	- Văn bản số 10253/UBND-KTN ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Du lịch sinh thái môi trường tại huyện Định Quán	Thuê đất	Quý IV	Định Quán
			Công ty May Đồng Nai (mở rộng)	Phú Lợi	SKC	5,98	- Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng cơ sở sản xuất hàng may sẵn tại xã Phú Lợi, huyện Định Quán.	Thuê đất	Quý IV	Định Quán
			Mỏ đá Gia Canh - (ĐQ, Đ2-3)	Gia Canh	SKX	0,80	Đang lập hồ sơ thuê đất	Thuê đất	Quý IV	Định Quán
			Khu đất tờ 48 thửa 223 ấp 5, xã Phú Vinh	Phú Vinh	SKC	0,14	Đã hoàn thành công tác kiểm đếm, đang lập hồ sơ đấu giá	Thuê đất		Định Quán
			Khu đất trạm y tế xã Ngọc Định cũ (Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 59 xã Ngọc Định, huyện Định Quán)	Ngọc Định	TMD	0,31	Văn bản số 878/TTPTQĐ-QLTQĐ ngày 17/9/2019 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất đối với địa bàn huyện Định Quán	Thuê đất		Định Quán
			Khu đất thương mại dịch vụ (Các thửa đất số thửa 85A, 86, 88, 89 tờ bản đồ số 5 và một phần đất giao thông tờ 5)	Phú Vinh	TMD	0,75	- Đã có chủ trương thực hiện. - Văn bản số 585/UBND-NL ngày 07/3/2019 của UBND huyện Định Quán về việc điều chỉnh diện tích dự án Khu du lịch sinh thái thác Ba Giọt tại xã Phú Vinh, huyện Định Quán	Thuê đất	Quý IV	Định Quán
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							
1	1	1	Đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập	Suối Tre, Bàn Sen, Xuân Lập, Xuân Bình	DGT	24,00	Quyết định số 2627/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý III	Long Khánh
2	2	2	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Xuân Hòa, Xuân Bình, Xuân Trung, Xuân An	DGT	5,99	Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019	Bồi thường	Quý III	Long Khánh
1	3	3	Đường Võ Duy Dương	X. Bình, S. Tre	DGT	2,14	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh về duyệt chủ	Bồi thường	Quý I	Long Khánh
2	4	4	Xây dựng, mở rộng mặt đường, bố trí láng chờ chuyển hướng tại hai nút giao QL1 - Hùng Vương (Điểm bên xe Long Khánh và điểm Công viên Tượng đài).	Xuân Trung, Xuân Bình, Xuân Hòa	DGT	1,95	Quyết định số: 2876/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án Mở rộng mặt đường, bố trí làn chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bên xe Long Khánh, điểm Công viên Tượng đài và điểm Quốc lộ 1A giao với đường Lê A).	Bồi thường	Quý III	Long Khánh

TT (hàng ý Kiến huyền _kh ông _n)	TT tỉnh Quý _không in (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
3	5	5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi	Xuân Hòa	DGT	3,04	Quyết định số: 2525/QĐ-UBND ngày, 13/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số: 4533/QĐ- UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý III	Long Khánh
4	6	6	Đường giao thông và công viên cây xanh dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Xuân Trung	DGT	1,75	Quyết định số: 2449/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
7	7	7	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân	Bảo Vinh	DGT	2,43	Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 14/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án nâng cấp tuyến đường Duy Tân. Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý III	Long Khánh
8	8	8	Đường số 5 (Bảo Vinh)	Bảo Vinh	DGT	2,60	Quyết định số: 508/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa cho đồng bào dân tộc Chơ Ro.	Bồi thường	Quý III	Long Khánh
9	9	9	Đường Thỏ Lùn (giai đoạn 2)	Bầu Trâm	DGT	1,26	Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 15/06/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyet chủ trương đầu tư xây dựng dự án; Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
10	10	10	Đường Bầu Trâm - Xuân Thọ	Bầu Trâm	DGT	2,70	Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 14/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Bầu Trâm-Xuân Thọ.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
11	11	11	Đường vành đai 2	Phú Bình, Xuân Hòa, Bầu Trâm, Bảo Vinh, Xuân Tân	DGT	26,87	Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án đường Vành đai 2 .Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh

TT (tấy ý kiến huyện_kh ông in)	TT tỉnh Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	12	12	Đường vành đai 1	Suối Tre, Bàu Sen, Phú Bình	DGT	23,98	Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh đối với dự án đường Vành đai 1. Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
	13	13	Đường Hoàng Diệu	Xuân Thanh	DGT	1,30	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 14/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu. Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
	14	14	Đường Phạm Lạc	Xuân Thanh	DGT	0,78	Quyết định số: 2296/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
	15	15	Xây dựng, mở rộng mặt đường, bố trí làn chờ chuyển hướng tại hai nút giao QL1 - Hùng Vương (bổ sung điểm Quốc lộ 1A giao với đường Lê A).	Xuân Trung, Xuân Bình, Bàu Vĩnh, Suối Tre	DGT	0,91	Quyết định số: 2876/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án Mở rộng mặt đường, bố trí làn chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bên xe Long Khánh, điểm Công viên Tượng đài và điểm Quốc lộ 1A giao với đường Lê A). Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
	16	16	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thành phố Long Khánh (Mương thoát nước lưu vực Xuân Thiện-Bình Lộc)	Bình Lộc	DTL	0,13	Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thông báo thu hồi đất số 2137/TB-UBND ngày 08/11/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
	17	17	Nhà văn hóa khu phố 5	Xuân An	DSH	0,07	Văn bản số 3314/UBND-NN ngày 11/10/2019 của UBND thành phố Long Khánh về việc lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trụ sở khu phố	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh

TT (tãy ý kiến huyện_kh (tính số 0ng m)	Quy không m (tính số thứ tự	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
18	18		Khu nhà ở tại phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh (Cy có phần đầu tư phát triển do thi Đại Việt, Cy CPTM Ngôi Nhà Mới, Cy TNHH Đầu tư Địa Ốc Xanh).	Xuân Hòa	ODT	39,35	Nghị Quyết số 11/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc bổ sung danh mục mục thu hồi đất thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
19	19		Đường Cách Mạng Tháng 8 nối dài, thành phố Long Khánh và hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông khu phức hợp phường Xuân An, Xuân Hòa, thành phố Long Khánh	Xuân An, Xuân Hòa	ODT	56,40	Nghị Quyết số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố; N Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị Quyết số 174/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư dự án.	Bồi thường	Quý IV	Long Khánh
20	20		Kiên cố hạ lưu Suối Cái (chống ngập ứng khu vực Suối Cái)	X.Bình; B.Vinh; X.Trung; X.Thanh; S.Tre	SON	22,08	Thông báo quyết chủ trương đầu tư số 1919/TB-SKHĐT ngày 28/7/2015 của Sở KHDĐT về chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B; đã có Quyết định thu hồi đất.	Bồi thường	Quý I	Long Khánh
21	21		Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 14	Xã Hàng Gòn	DGT	0,02	Công văn số 5099/UBND-KTN ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý đề nghị bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên thửa đất số 32 tờ bản đồ số 14. Thu hồi theo quy hoạch.	Bồi thường	Quý I	Long Khánh
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để đầu tư quyền sử dụng đất							Long Khánh
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							Long Khánh
10	1	36	Khu đất 4D	Xuân Lập	ODT	1,16	Quyết định số 2779/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV tổng công ty cao su Đồng Nai giao địa phương quản lý. Hiện đang lập phương án sử dụng đất	Tính tiền	Quý I	Long Khánh
11	2	37	Khu nhà ở tại phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh (Cy có phần đầu tư phát triển do thi Đại Việt, Cy CPTM Ngôi Nhà Mới, Cy TNHH Đầu tư Địa Ốc Xanh).	Xuân Hòa	ODT	39,35	Nghị Quyết số 11/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc bổ sung danh mục mục thu hồi đất thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai	Tính tiền	Quý I	Long Khánh
12	3	38	Đường Cách Mạng Tháng 8 nối dài, thành phố Long Khánh và hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông khu phức hợp phường Xuân An, Xuân Hòa, thành phố Long Khánh	Xuân An, Xuân Hòa	ODT	56,40	Nghị Quyết số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố; N Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị Quyết số 174/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư dự án.	Tính tiền	Quý II	Long Khánh

TT (lấy ý kiến huyện, không in)	TT tính Quý (không in, tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
13	4	39	Xây dựng khu gia đình cán bộ chiến sỹ Quân khu 7 tại phường Bảo Vinh	Bảo Vinh	ODT	4,14	Công văn số 3682/UBND-KTN ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất tại phường Bảo Vinh để thực hiện dự án; Công văn số 5074/UBND-KTN ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý kinh phí chi trả bồi thường khu đất	Tinh tiền	Quý II	Long Khánh
14	5	40	Trung tâm thương mại Xuân Bình và khu dân cư Long Khánh	Xuân Bình	ODT	2,26	Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; 4087/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh về việc giao đất cho TTPTQĐ tỉnh quản lý thực hiện việc đầu tư xây dựng	Tinh tiền	Quý II	Long Khánh
15	6	41	Khu dân cư dân tộc Choro phường Bảo Vinh	Bảo Vinh	ODT	2,50	Quyết định số: 508/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa cho đồng bào dân tộc Choro. (dự án đã hoàn thành công tác xác nhận và thẩm tra nguồn gốc đất và đã trình sở TN&MT xác định giá đất cụ thể). Quyết định số: 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Tinh tiền	Quý III	Long Khánh
16	7	42	Các thửa đất đầu giá tại phường Xuân Bình (10 thửa)	Xuân Bình	ODT	0,11	Quyết định số 3941/QĐ-UBND, ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất giao TTPTQĐ tỉnh quản lý.	Tinh tiền		Long Khánh
			Khu đất đầu giá (Công ty TNHH Dong Yang)	Xuân Bình	ODT	5,50	Quyết định số: 2504/QĐ/UBND ngày 9/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Dong Yang	Tinh tiền	Quý III	Long Khánh
			Khu đất đầu giá phường Xuân Bình (thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 10)	Xuân Bình	ODT	0,01	Đất UBND phường quản lý đưa vào đầu giá	Tinh tiền		Long Khánh
			Khu dân cư thương mại Long Khánh tại phường Xuân Bình	Xuân Bình	ODT	0,01	Văn bản số 274/CV-TCTT tháng 8/2020 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021			Long Khánh
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền Thuế đất					Thuế đất		Long Khánh
1	1	43	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố	Xuân Tân	TMD	0,26	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án; Nghị Quyết số 172/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 2).	Thuế đất	Quý I	Long Khánh
17	2	44	Trạm dừng nghỉ	Xuân Tân	TMD	0,84	Quyết định chủ trương đầu tư số 2740/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Thuế đất	Quý I	Long Khánh
			Thửa đất số 57 tờ bản đồ số 39	Hàng Gòn	TMD	0,30	Công văn số 1212/TIPTQĐ-QLPTQĐ, ngày 26/10/2022 về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022; Công văn số 243/UBND-KTN ngày 08/01/2021 về việc xử lý đề nghị thuế đất của Công ty Cổ phần xăng dầu Tín Nghĩa	Thuế đất		Long Khánh

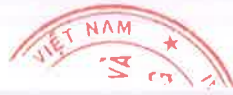
TT (tính theo huyện, khu vực)	Quỹ (tính theo số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
			Tường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							
	1	1	KCN công nghệ cao (thuộc khu đô thị dịch vụ Long Thành)	An Phước, Tam An, TTLT	SKC	410,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	2	2	Đường dây 500 kV (từ trạm 500 kV Long Thành rẽ trên một mạch Phú Mỹ - Sông Mỹ)	Lộc An, Bình An	DNL	17,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	3	3	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	An Phước, Long Đức, TT Long Thành, Lộc An, Long An, Long Phước, Tân Hiệp, Phước Thái, Phước Bình	DGT	313,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	4	4	Cum CN Phước Bình	Phước Bình	SKK	75,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	5	5	Dự án đường và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây (đoạn từ đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây đến khu công nghiệp Long Thành)	TT Long Thành, Tam An, An Phước	DGT	14,90		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	6	6	Năng cấp hạ tầng khu TT hành chính huyện Phước Bình	TT Long Thành, Phước Bình, Phước Thái, Tân Hiệp	TSC	15,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	7	7	Đường Phước Bình (gồm đường vào KCN Phước Bình)	Phước Bình, Phước Thái, Tân Hiệp	DGT	17,10		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	8	8	Đường Bung Môn (nâng cấp)	Long An	DGT	3,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	9	9	Tuyến giao thông kết nối từ QL.51 đến Cảng HKQT Long Thành (ĐT.769D)	Long An, Long Phước	DGT	48,29		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	10	10	Tuyến giao thông kết nối từ đường cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây đến đường ĐT.769D	Long An	DGT	87,70		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	11	11	Đường Cây Sung	Cẩm Đường	DGT	3,5		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	12	12	Đường Nguyễn Văn Cừ	TT Long Thành	DGT	2,55		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	13	13	Đường Lê Duẩn	TT Long Thành - An Phước - Long Đức	DGT	24,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	14	14	Đường 25C (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến HL.19)	Long Phước	DGT	14,58		Bồi thường	Quý I	Long Thành
	15	15	Đường Phan Bội Châu	TT Long Thành	DGT	0,97		Bồi thường	Quý I	Long Thành
	16	16	Đường Chu Văn An	TT Long Thành	DGT	1,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	17	17	Đường Cách mạng Tháng 8 (giai đoạn 1)	TT Long Thành	DGT	0,30		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	18	18	Đường Đinh Bộ Lĩnh (giai đoạn 1)	TT Long Thành	DGT	0,31		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	19	19	Tuyến cấp nước D1200 (giai đoạn 2, đoạn 4)	Long Phước	DTL	2,64		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	20	20	Hệ thống thoát nước trồng ngập ứng khu vực xung quanh trung tâm văn hoá, thể thao huyện	An Phước, Long Đức	DTL	0,77		Bồi thường	Quý I	Long Thành
	21	21	Lô ra 110KV trạm 220 KV An Phước	TT Long Thành	DNL	0,15		Bồi thường	Quý II	Long Thành
	22	22	TBA 220kV An Phước	TT Long Thành	DNL	3,40		Bồi thường	Quý II	Long Thành

TT (tính huyện, kh ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
13	23	23	Hệ thống thoát nước và Đầu nối đường vào trạm và cáp điện tự dùng 220kV Trạm biến áp 500kV Long Thành	Lộc An	DNL	0,80		Bồi thường	Quý I	Long Thành
14	24	24	Đường dây 220kV TBA 500kV Long Thành - Công nghệ cao	Tam An, Lộc An, Long Đức, An Phước	DNL	3,00		Bồi thường	Quý I	Long Thành
15	25	25	TBA 220kV An Phước	TT Long Thành	DNL	0,47		Bồi thường	Quý I	Long Thành
16	26	26	TBA 110kV Bầu càn và hướng tuyến đường dây đầu nối	Long Phước, Phước Thái, Tân Hiệp	DNL	0,53		Bồi thường	Quý III	Long Thành
17	27	27	Đường dây 220kV đầu nối NMD Nhom Trach 3 - TBA 500kV Long Thành	Tam An	DNL	4,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
18	28	28	Nhánh rẽ đầu nối Trạm Biến áp 110KV Công nghệ cao	thị trấn Long Thành	DNL	0,25		Bồi thường	Quý III	Long Thành
19	29	29	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	TT Long Thành	DTL	1,59		Bồi thường	Quý III	Long Thành
20	30	30	Nhà ở phục vụ cán bộ và công nhân KCN Lộc An - Bình Sơn	Bình Sơn	ONT	39,30		Bồi thường	Quý II	Long Thành
21	31	31	Khu đô thị dịch vụ AMATA Long Thành 1	An Phước	ONT	55,40		Bồi thường	Quý II	Long Thành
22	32	32	Khu đô thị dịch vụ AMATA Long Thành 2	An Phước	ONT	51,90		Bồi thường	Quý II	Long Thành
23	33	33	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Tam An	ONT	753,00		Bồi thường	Quý II	Long Thành
24	34	34	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đầu tư bất động sản An Trường Đạt)	Phước Thái	ONT	18,43		Bồi thường	Quý II	Long Thành
25	35	35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH SX-DVTM Đại Hoàng Hào)	Bình Sơn	ONT	4,06		Bồi thường	Quý II	Long Thành
26	36	36	Chung cư Tâm Khai Hoàn 769 (Công ty Cổ phần BĐS Tâm Khai Hoàn)	Lộc An	ONT	0,83		Bồi thường	Quý III	Long Thành
27	37	37	Khu dân cư Aten (Công ty TNHH Bất động sản Aten Land)	Long An	ONT	3,93		Bồi thường	Quý III	Long Thành
28	38	38	Khu dân cư Long Việt An (Công ty Cổ phần Đầu tư Long Việt An)	Long Đức	ONT	4,78		Bồi thường	Quý III	Long Thành
29	39	39	Khu dân cư Phúc An Bình (Công ty Cổ phần Bất động sản Phúc An Bình)	Long Đức	ONT	1,05		Bồi thường	Quý III	Long Thành
30	40	40	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH Trí Thuận Tiên)	Long Phước	ONT	6,30		Bồi thường	Quý III	Long Thành
31	41	41	Khu dân cư Long Phước (Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát)	Long Phước	ONT	50,20		Bồi thường	Quý III	Long Thành
32	42	42	Khu dân cư Long Phát (Công ty TNHH SX TM DV Linh Long Phát)	Long Phước	ONT	4,02		Bồi thường	Quý III	Long Thành
33	43	43	Khu dân cư Kiệt An Phước Bình (Công ty Cổ phần BĐS Kiệt An Phước Bình)	Phước Bình	ONT	0,88		Bồi thường	Quý III	Long Thành
34	44	44	Khu dân cư Newland (Công ty Cổ phần Bất động sản BĐS Hạnh Phúc Long Thành)	Phước Bình	ONT	2,12		Bồi thường	Quý IV	Long Thành

TT (tấy ý kiến_huyện_không in) (tính số ông in)	Quỹ không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
35	45	45	Khu dân cư Phước Bình Land (Công ty Cổ phần bất động sản Tâm Gia)	Phước Bình	ONT	2,16		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
36	46	46	Khu đô thị Lake View City	Tam An	ONT	120,90		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
37	47	47	Khu dân cư Thanh Công (Công ty CP BDS đất nền Thanh Công)	Long Đức	ONT	2,75		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
38	48	48	Khu dân cư Phước Bình (Công ty CP BDS đất nền May Mầm)	Phước Bình	ONT	1,53		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
39	49	49	Khu dân cư Phước Lộc Phát	Phước Bình	ONT	4,00		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
40	50	50	Khu dân cư công nghiệp Phước Bình (Công ty CP BDS đất nền Hạnh Phúc)	Phước Bình	ONT	6,53		Bồi thường	Quý III	Long Thành
51			Khu dân cư Nguyễn Xuân ONYX	TT Long Thành	OET	2,10		Bồi thường	Quý III	Long Thành
52			Khu dân cư theo quy hoạch	Long Phước	ONT	4,91		Bồi thường	Quý III	Long Thành
53			Khu dân cư Thiên Trường	Long Phước	ONT	1,10		Bồi thường	Quý III	Long Thành
54			Khu Dân cư Long Phước (Công ty TNHH Đầu tư Hoàng Phát Lợi)	Long Phước	ONT	3,80		Bồi thường	Quý III	Long Thành
55			Khu dân cư Tam Khánh Land	Phước Bình	ONT	1,16		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
56			Khu dân cư Vĩ Như	Long Phước	ONT	1,05		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
57			Khu dân cư tại xã Long Đức	Long Đức	ONT	0,79		Bồi thường	Quý III	Long Thành
58			Khu dân cư Kiệt Linh	Lộc An	ONT	0,95		Bồi thường	Quý III	Long Thành
59			Khu dân cư Bình Kiệt	Phước Bình	ONT	1,95		Bồi thường	Quý III	Long Thành
60			Khu dân cư theo quy hoạch tại Long Phước (Công ty TNHH Sản xuất Phích nước Hoàng Long)	Long Phước	ONT	2,33		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
61			Khu dân cư Diên Tâm Thịnh	Phước Bình	ONT	1,09		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
62			Khu dân cư Phước Bình INVEST	Phước Bình	ONT	2,68		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
63			Khu dân cư Bầu Cạn (Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hữu Lợi)	Bầu Cạn	ONT	2,32		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
64			KDC đô thị dịch vụ sinh thái của công ty Golf xã Tam An	Tam An	ONT	70,18		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
65			Khu tái định cư Long Thành	TT. Long Thành	ODT	47,00		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
66			Khu dân cư biệt thự vườn	TT. Long Thành	ODT	4,50		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
67			Khu dân cư theo quy hoạch tại TT.LT (Công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	TT. Long Thành	ODT	4,91		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
68			Chung cư Thiên Tâm An (Công ty Cổ phần Bất động sản Diên Tâm)	Thị trấn Long Thành	ODT	0,62		Bồi thường	Quý IV	Long Thành
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							
1	78		Khu đô thị dịch vụ Long Thành (Công ty Minh Thành)	An Phước	ONT	56,73		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
59	2	75	Khu dân cư	Bình Sơn	ONT	284,00		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
60	3	80	Khu dân cư Long Phước (Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng An Hưng Phát)	Long Phước	ONT	50,20		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
61	4	81	Khu dân cư Long Phát (Công ty TNHH SX TM DV Lành Long Phát)	Long Phước	ONT	4,02		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
62	5	82	Khu đô thị Lake View City	Tam An	ONT	120,90		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
63	6	83	Khu dân cư Nguyễn Xuân ONYX	TT Long Thành	ODI	2,10		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
			Khu dân cư Công ty Tây Tây Nam	Long Đức	ONT	0,88		Tỉnh Tiền		Long Thành
7		84	Khu dân cư Phước Thái (T&T)	Phước Thái	ONT	0,57		Tỉnh Tiền	Quý I	Long Thành
			Khu dân cư CIC LAND	Phước Thái	ONT	1,65		Tỉnh Tiền		Long Thành

TT (lấy ý kiến huyện, không in thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
64	8	Khu dân cư CIC ONE	Long Đức	ONT	5,00		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
65	9	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Phước	ONT	4,91		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	10	Khu dân cư The Queen	Long Đức	ONT	1,21		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	11	Khu dân cư Thiên T-ờng	Long Phước	ONT	1,10		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	12	Khu Dân cư Long Phước (Công ty TNHH Đầu tư Hoàng Phát Lợi)	Long Phước	ONT	3,80		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
		Khu dân cư tại xã Long Đức	Long Đức	ONT	0,79		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	13	Khu dân cư theo quy hoạch tại Long Phước (Công ty TNHH Sản xuất Phích nước Hoàng Long)	Long Phước	ONT	2,33		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	14	Khu dân cư Bàu Cạn (Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hữu Lợi)	Bàu Cạn	ONT	2,32		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	15	KDC đô thị dịch vụ s.nh thái của công ty Golf xã Tam An	Tam An	ONT	70,18		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	16	Khu dân cư Riverside	TT. Long Thành	ODT	40,00		Tinh Tiền	Quý I	Long Thành
	17	Khu dân cư biệt thự vườn	TT. Long Thành	ODT	4,50		Tinh Tiền	Quý IV	Long Thành
	18	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	TT. Long Thành	ODT	4,91		Tinh Tiền	Quý IV	Long Thành
	19	Nghĩa trang Bình An mở rộng	Bình An	NTD	100,00		Tinh Tiền	Quý IV	Long Thành
66	1	KCN công nghệ cao (thuộc khu đô thị dịch vụ Long Thành)	An Phước, Tam An, TTLT	SKC	410,00		Thuế đất	Quý I	Long Thành
	2	Trạm BA 500 kV Long Thành và đường dây	Lộc An, An Phước, Long Đức, Tam An	DNL	14,80		Thuế đất	Quý I	Long Thành
67	3	Đường dây 500 kV (từ trạm 500 kV Long Thành rẽ trên một mạch Phú Mỹ - Sông Mỹ)	Lộc An, Bình An	DNL	17,00		Thuế đất	Quý III	Long Thành
68	4	Cụm CN Phước Bình	Phước Bình	SKN	75,00		Thuế đất	Quý III	Long Thành
69	5	Cụm CN Long Phước 1	Long Phước	SKN	75,00		Thuế đất	Quý III	Long Thành
70	6	Bến xe Long Thành	Long An	DGT	4,85		Thuế đất	Quý II	Long Thành
		Trạm bơm tiếp áp	thị trấn Long Thành	DTL	0,28		Thuế đất		Long Thành
71	7	Dự án Trường Tiểu học Tư thực Tri Thúc	thị trấn Long Thành	DGD	1,10		Thuế đất	Quý III	Long Thành
		TBA 220kv An Phước	TT. Long Thành	DNL	3,40		Thuế đất		Long Thành
		Đường dây 220kV TBA 500kV Long Thành - Công nghệ cao	Tam An, Lộc AN, Long Đức, An Phước	DNL	3,00		Thuế đất		Long Thành
72	8	Chợ khu thương mại Tân Hiệp	Tân Hiệp	DCH	1,00		Thuế đất	Quý III	Long Thành
73	9	Chợ khu thương mại Bình Sơn	Bình Sơn	DCH	1,00		Thuế đất	Quý III	Long Thành
	10	Chợ Tam An (chợ áp 5)	Tam An	DCH	0,70		Thuế đất	Quý III	Long Thành
		Trạm xăng dầu MS 543 (áp 6, trên QL 51)	An Phước	TMD	0,10		Thuế đất	Quý III	Long Thành
74		Trạm xăng dầu MS 542 (áp 7, trên QL 51)	An Phước	TMD	0,11		Thuế đất	Quý III	Long Thành
		Trạm xăng dầu MS 541 (áp 2, trên Hương lộ)	Tam An	TMD	0,23		Thuế đất	Quý II	Long Thành
		Trạm kinh doanh xăng dầu Ngọc Song Anh	Long An	TMD	0,16		Thuế đất	Quý II	Long Thành
		Trạm xăng dầu MS 566	Phước Bình	TMD	0,04		Thuế đất		Long Thành

TT (tấy y kiến huyền_kh ông in)	Quý _không in (tính số ông in)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Thuyền
74	11	107	Khu thương mại nghỉ dưỡng (Công ty Hàng tài Sao Mai)	Lộc An	TMD	46,26		Thuế đất	Quý III	Long Thành
	12		Công ty TNHH Auto Salon Phát Lộc	Long An	TMD	0,60		Thuế đất	Quý IV	Long Thành
			Trạm xăng dầu Phước Bình	Phước Bình	TMD	0,20		Thuế đất		Long Thành
74	13	109	Nhà máy sản xuất bao bì và kho bãi Công ty cổ phần Nguyễn Cường	An Phước	SKC	4,31		Thuế đất	Quý IV	Long Thành
	14		Kho bãi 99P	Bình Sơn	SKC	3,79		Thuế đất	Quý IV	Long Thành
	15		Điểm giết mổ tập trung	Tân Hiệp	SKC	0,82		Thuế đất	Quý IV	Long Thành
	16		Trang trại rau sạch của công ty CP Việt Rau	Tân Hiệp	NKH	8,22		Thuế đất	Quý IV	Long Thành
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							
	1	1	Chất dân quân thường trực KCN	Phước Khanh	CQP	0,20		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
1	2	2	Trung tâm sắt hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phủ Hới, Long Tân	CAN	5,00		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
2	3	3	Khu công nghiệp Ông Kéo	Phước Khanh	SKK	200,00		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
	4	4	Cụm tiểu thủ Công nghiệp	Phủ Thành, Vĩnh Thanh	SKK	4,00		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
3	5	5	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	TMD	550,00		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
4	6	6	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khanh, Phủ Hới, Phủ Đông	DGT	149,80	-	Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
5	7	7	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	DGT	0,32		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
6	8	8	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	DGT	0,78		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
7	9	9	Năng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	DGT	87,60		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
8	10	10	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GD) 1 diện tích 1,48 ha tại Phủ Hới)	Long Tân, Phủ Hới	DGT	43,66		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
	11	11	Đường số 13 (từ khu 347 hạ đến đường số 1)	Long Tân, Phủ Hới	DGT	15,04		Bồi thường	Quý IV	Nhom Trach
9	12	12	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phủ Hới, Vĩnh Thanh	DGT	2,69		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
	13	13	Cải đường Quận 9 - Nhom Trach (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phủ Thành, Vĩnh Thanh	DGT	126,54		Bồi thường	Quý IV	Nhom Trach
10	14	14	Năng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phủ Đông	DGT	6,80		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
11	15	15	Đường Phủ Tân Phủ Đông	Phủ Đông	DGT	11,88		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
	16	16	Bên cảng tổng hợp Phủ Hới	Phủ Hới	DGT	35,47		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
12	17	17	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phủ Hới,Phủ Đông	DGT	8,26		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
13	18	18	Đường từ KCN NT v đến HL 19 (Phước An)	Phước An	DGT	20,60		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
14	19	19	Đường vào KCN Ông Kéo	Phước An, Phước Khanh, Vĩnh Thanh	DGT	91,44		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
15	20	20	Cảng tổng hợp (Công ty Phước Thành)	Phước Khanh	DGT	10,00		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
16	21	21	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhom Trach 1)	Phước Thiện	DGT	5,04		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
17	22	22	Đường 25C	Vĩnh Thành, Phủ Thành Long Tân, Hiệp Phước, Phủ Hới	DGT	102,70		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
18	23	23	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	DGT	7,60		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach
19	24	24	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Phủ Hới, Đại Phước	DGT	69,20		Bồi thường	Quý I	Nhom Trach



TT (lấy ý kiến huyện không in ông in)	TT tính Quý (không in thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
20	25	25	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	DGT	40,59		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
21	26	26	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Long Thọ	DGT	10,00		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
22	27	27	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu- Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	Đại Phước	DGT	0,51		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
23	28	28	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Phước Khánh	DGT	14,65		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
24	29	29	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Phước Khánh	DGT	1,40		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
25	30	30	Bến thủy nội địa Phú Thạnh	Phú Thạnh	DGT	4,50		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
26	31	31	Trung tâm Văn hóa thể thao	Vĩnh Thanh	DVH	0,49		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
27	32	32	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	DGD	1,09		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
28	33	33	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	DGD	1,07		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
29	34	34	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	Phước Khánh	DGD	0,10		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
30	35	35	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh	DGD	0,04		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
31	36	36	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	DGD	2,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
32	37	37	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Phú Hội	DGD	0,70		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
33	38	38	Mở rộng trường TH Phú Đông	Phú Đông	DGD	0,45		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
34	39	39	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An	DNL	0,22		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
35	40	40	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hvosung	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	DNL	0,03		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
36	41	41	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	DNL	0,40		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
37	42	42	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Các xã	DNL	0,02		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
38	43	43	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	Hiệp Phước	DNL	0,14		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
39	44	44	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đầu nối	Phú Hội	DNL	4,50		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
40	45	45	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	DNL	0,13		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
41	46	46	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	DNL	1,20		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
42	47	47	DZ 220kV đầu nối NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500kV Long Thành	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	DNL	4,00		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
43	48	48	Khu chợ và khu phố thương mại KDC Đại Lộc	Đại Phước	DCH	3,05		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
44	49	49	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	ODT	12,78		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
45	50	50	Khu tái định cư Long Tân	Long Tân	ONT	21,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
46	51	51	Khu tái định cư Phước An	Phước An	ONT	40,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
47	52	52	Khu tái định cư Phú Hội (hiên hữu, mở rộng)	Phú Hội	ONT	17,29		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
48	53	53	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	ONT	25,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
49	54	54	Khu chung cư cao tầng (Việt Mỹ)	Long Tân, Phú Hội	ONT	1,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
50	55	55	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BDS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	ONT	9,60		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
51	56	56	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Tháo Điện)	Đại Phước, Phú Hữu	ONT	64,13		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
52	57	57	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	DCH	18,33		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach
53	58	58	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	ODT	9,84		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
54	59	59	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	ODT	21,50		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
55	60	60	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	ODT	2,70		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trach

TT (tỉnh y kiến huyện_kh ông in)	Quy _không in (tỉnh số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
55	61	61	Khu dân cư Hoàng Anh An Hòa	Hiệp Phước	ODT	4,75		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
	62	62	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngã Long Tân)- Free land	Long Tân	ONT	125,00		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
56	63	63	Khu dân cư Long Tân Phú Hội (Công ty P.VII)	Long Tân	ONT	9,90		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
57	64	64	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	ONT	55,70		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
58	65	65	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viên Dương)	Long Tân, Phú Hội	ONT	9,90		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
59	66	66	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	ONT	9,17		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
60	67	67	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Già)	Phú Hữu	ONT	56,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
61	68	68	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	ONT	90,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
62	69	69	Trung tâm HC/VHTT kết hợp chợ, phố chợ (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	TMD	48,18		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
63	70	70	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thạnh	ONT	753,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
64	71	71	Khu dân cư Phước An (Công ty Dê Tam)	Phước An	ONT	47,39		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
65	72	72	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư	Đại Phước	ONT	4,50		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
66	73	73	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	ONT	9,50		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
67	74	74	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	ONT	8,00		Bồi thường	Quý II	Nhơn Trạch
68	75	75	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	ONT	88,41		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trạch
69	76	76	Khu dân cư Long Tân (Công ty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	ONT	34,19		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trạch
70	77	77	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	ONT	34,04		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trạch
71	78	78	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	ONT	8,16		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
72	79	79	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	ONT	9,90		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
73	80	80	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	TMD	331,00		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
74	81	81	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	ONT	70,00		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
75	82	82	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	ONT	2,00		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
76	83	83	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	ONT	16,27		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
77	84	84	Khu dân cư Vĩnh Thạnh (Công ty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thạnh	ONT	46,09		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
78	85	85	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	ONT	3,30		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
79	86	86	Dự án khu dân cư Công ty Nhơn Thành	Phước An	ONT	36,87		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
80	87	87	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Long Tân, Phước An	ONT	40,95		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
	88	88	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hải Dạng)	Đại Phước	ONT	55,33		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
	89	89	Khu dân cư đô thị The Lake(Cy DTTNKK 3L Sài Gòn)	Long Tân	ONT	35,30		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch
81	90	90	Khu dân cư dự án (Công ty Vạn Khởi Thành)	Phú Hội	ONT	7,06		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trạch

TT (tên ý kiến, họ tên, địa chỉ, số)	Quy hoạch, không in (tên số)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quy)	Huyện
82	91	91	Khu dân cư quy hoạch (ĐNTN Vạn Thịnh Phong)	Vĩnh Thanh	ONT	6,62		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
83	92	92	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Phước Thiện	ONT	13,00		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
84	93	93	Khu dân cư đô thị	Long Tân	ONT	28,50		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
85	94	94	Khu dân cư thương mại đô thị mới	Long Tân, Phú Hội	ONT	22,37		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
86	95	95	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Tân	ONT	33,92		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
87	96	96	KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	ONT	2,35		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
88	97	97	KDC đô thị Lành Mạnh	Vĩnh Thanh	ONT	29,60		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
89	98	98	KDC Vĩnh Thanh (Công ty CPĐT Donal)	Vĩnh Thanh	ONT	2,75		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
90	99	99	KDC theo quy hoạch	Long Thọ	ONT	3,85		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
91	103	100	Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Long Tân	ONT	7,77		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
92	101	101	TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam	Phú Hội	ONT	12,97		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
93	102	102	Khu dân cư đô thị theo Quy hoạch	Phú Hội	ONT	18,50		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
94	103	103	Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Phúc Tiến)	Phước Thiện	ONT	39,15		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
95	104	104	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Mai-Archit)	Long Tân	ONT	19,67		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
96	105	105	Khu dân cư Phú Hữu	Phú Hữu	ONT	201,45		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
97	106	106	Khu dân cư theo QH (An Gia)	Phú Hữu	ONT	4,52		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
98	107	107	Khu dân cư Diên Phước	Long Tân	ONT	95,20		Bồi thường	Quý III	Nhơn Trach
99	108	108	Khu dân cư và cây xanh kết hợp dịch vụ giải trí tại xã Phú Đông	Phú Đông	ONT	4,90		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
100	109	109	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	Phước Thiện	ONT	52,93		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
101	110	110	Khu đô thị ASIA Phước An	Phước An	ONT	29,00		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
102	111	111	Khu dân cư tổng hợp - kết hợp TMĐV phát triển theo QH (BDS Phú Mỹ An)	Phú Hội	ONT	16,14		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
103	112	112	Đổi thành tra giao thông số 8	Phú Hội	TSC	0,20		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
104	113	113	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	DVH	0,04		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
105	114	114	Nhà Văn hóa Ấp Thông Nhất	Vĩnh Thanh	DVH	0,05		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
106	115	115	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thanh	DVH	0,03		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
107	116	116	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước An	ONT	64,00		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
108	117	117	Khu đất Lân nghiệp Sài Gòn	Phước An, Long Thọ, Hiệp Phước, Long Tân	LNP	245,58		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
109	118	118	Trạm Xăng dầu Gia Nguyễn Minh (phía nam)	Long Tân	TMD	0,70		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
110	119	119	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ khu trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang)	Long Tân, Phú Hội	DGT	29,00		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
111	120	120	Đường nhân nước nổi dài đến KCN I	Phú Hội	DGT	4,30		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
112	121	121	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Phước An, Long Thọ	DGT	5,30		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
113	122	122	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn I	Vĩnh Thanh, Phước An	DGT	20,68		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
114	123	123	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	Phước Thiện	DGT	1,12		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
115	124	124	Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (tổ chức phục vụ thi công xây tạo kênh N14)	Vĩnh Thanh, Phước An	DGT	5,06		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
116	125	125	Trạm y tế xã Đa Phước	Đa Phước	DYT	0,20		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach



TT (tấy ý kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
117	126	126	Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm)	Phước An	DGD	1,20		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
118	127	127	Mở rộng THCS Hiệp Phước	Hiệp Phước	DGD	0,41		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
119	128	128	Xây mới Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhơn Trach	Phù Hội	DGD	0,68		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
120	129	129	Dự án Nghĩa trang Long Thọ	Long Thọ	NTD	8,84		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
121	130	130	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước	Đại Phước	ONT	49,81		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
122	131	131	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước	Đại Phước	ONT	75,47		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
123	132	132	Dự án nhà ở xã hội	Long Thọ	ONT	4,20		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
124	133	133	Dự án nhà ở xã hội	Long Thọ	ONT	4,05		Bồi thường	Quý IV	Nhơn Trach
125	134	134	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	Phước Khánh	TSC	0,07		Bồi thường	Quý I	Nhơn Trach
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất							
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							
128	1	137	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	ODT	12,78		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
129	2	138	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phù Hội	ONT	17,29		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
130	3	139	Khu tái định cư Phước An	Phước An	ONT	40,00		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
131	4	140	Dự án nhà ở xã hội	Long Thọ	ONT	4,2		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
	5	141	Dự án nhà ở xã hội	Long Thọ	ONT	4,05		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
132	6	142	Khu chung cư cao tầng (Việt Mỹ)	Long Tân, Phú Hội	ONT	1,00		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
	7		Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BDS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	ONT	9,60		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
	8		Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	ODT	18,33		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
	9		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	ODT	9,84		Tinh Tiền	Quý I	Nhơn Trach
	10		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	ODT	21,50		Tinh Tiền	Quý IV	Nhơn Trach
	11		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	ODT	2,70		Tinh Tiền	Quý IV	Nhơn Trach
	12		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	ODT	4,75		Tinh Tiền	Quý IV	Nhơn Trach
	13		Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)- Free land	Long Tân	ONT	125,00		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	14		Khu dân cư Long Tân Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân, Phú Hội	ONT	9,90		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	15		Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCon)	Long Tân, Phú Hội	ONT	55,70		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	16		Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phù Hội	ONT	9,17		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	17		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trach)	Phù Thanh, Long Tân, Vĩnh Thanh	ONT	753,00		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	18		Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	ONT	47,39		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	19		Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư	Đại Phước	ONT	4,50		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	20		Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trach làm chủ đầu tư	Phù Hội	ONT	8,00		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	21		Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phù Thanh	Long Tân, Phù Thanh	ONT	331,00		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	22		Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	ONT	55,33		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	23		Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Khang An Nhơn Trach)	Phước Thiện	ONT	13,00		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	24		Khu dân cư đô thị (Mỹ Thịnh)	Long Tân	ONT	28,50		Tinh Tiền	Quý II	Nhơn Trach
	25		Khu dân cư thương mại đô thị mới (Chợ Lớn)	Long Tân, Phú Hội	ONT	22,37		Tinh Tiền	Quý III	Nhơn Trach
	26		Khu dân cư theo quy hoạch (Thế Kỷ)	Long Tân	ONT	33,92		Tinh Tiền	Quý III	Nhơn Trach

TT (tãy y kiến huyền_kh ông in)	Quy không in (tính số thu tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quy)	Huyện
27			KDC Phú Đông Riverside	Phú Đông	ONT	2,35		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
28			KDC đô thị Lành Mạnh	Vinh Thanh	ONT	29,60		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
29			KDC Vĩnh Thành (Công ty CPĐT Donal)	Vinh Thanh	ONT	2,75		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
30			KDC theo quy hoạch (Danh Tiếng)	Long Thọ	ONT	3,85		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
31			Khu dân cư theo quy hoạch (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Long Tân	ONT	7,77		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
32			Khu dân cư tại xã Phú Hội (Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Xanh, Công ty Cổ phần Thương mại Ngôi nhà mới, Công ty Cổ phần Đầu tư PMT Land Việt Nam)	Phú Hội	ONT	12,97		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
33			Khu dân cư đô thị theo Quy hoạch (Liên danh 3 công ty)	Phú Hội	ONT	18,50		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
34			Khu dân cư tại xã Phước Thiện (Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Phúc Tiến)	Phước Thiện	ONT	39,15		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
35			Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Mai-Arch)	Long Tân	ONT	19,67		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
36			Khu dân cư Phú Hòa (Phú Thuận)	Phú Hòa	ONT	201,45		Tỉnh Tiền	Quy III	Nhơn Trach
133	37	173	Khu dân cư theo QH (An Gia)	Phú Hòa	ONT	4,52		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
134	38	174	Khu dân cư Điện Phước	Long Tân	ONT	95,20		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
135	39	175	Khu dân cư và xây xanh kết hợp dịch vụ giải trí tại xã Phú Đông (Thiên Hà Group)	Phú Đông	ONT	4,90		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
136	40	176	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	Phước Thiện	ONT	52,93		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
137	41	177	Khu đô thị ASIA Phước An	Phước An	ONT	29,00		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
138	42	178	Khu dân cư tổng hợp - kết hợp TMĐV phát triển theo QH (BDS Phú Mỹ An)	Phú Hội	ONT	16,14		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
139	43	179	Khu dân cư thương mại tại xã Phú Hội (Bitexco)	Phú Hội	ONT	6,65		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
140	44	180	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước	Đại Phước	ONT	49,81		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
141	45	181	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước	Đại Phước	ONT	75,47		Tỉnh Tiền	Quy IV	Nhơn Trach
			T trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất							
142	1	182	Khu công nghiệp Ông Kéo	Phước Khánh	SKK	200,00		Thuế đất	Quy IV	Nhơn Trach
143	2	183	Cum tiêu thụ Công nghiệp	Phú Thanh, Vinh Thanh	SKN	4,00		Thuế đất	Quy IV	Nhơn Trach
1	1	1	T trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất	TT. Tân Phú	DGT	2,2		Bồi thường	Quy I	Tân Phú
2	2	2	Đường Nguyễn Văn Cừ	TT. Tân Phú	DGT	3,2	Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Bồi thường	Quy I	Tân Phú
	3	3	Đường Hùng Vương nối dài	TT. Tân Phú	DGT	4,8		Bồi thường	Quy II	Tân Phú
	4	4	Đường Hùng Vương đoạn cuối	TT. Tân Phú	DGT	5,1		Bồi thường	Quy III	Tân Phú
3	5	5	Khu tái định cư 15ha	TT. Tân Phú	ODT	15	Đã được thẩm định phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Văn bản số 12/KQTD ngày 16/8/2018 của Tổ thẩm định huyện	Bồi thường	Quy II	Tân Phú
4	6	6	Nâng cấp đường be 129	xã Phú Thanh	DGT	7,6	Dự án được ghi vốn tại văn bản số 2756/SKHD-TTĐ ngày 18/7/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018	Bồi thường	Quy III	Tân Phú

TT (tất ý kiến huyện_kh ông in)	TT tỉnh Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
5	7	7	Trường TH Nguyễn Thị Định	TT. Tân Phú	DGD	1,24	Dự án được ghi vốn tại văn bản số 2756/SKHDT-TĐ ngày 18/7/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018	Bồi thường	Quý IV	Tân Phú
6	8	8	Trạm bơm Đắc Lua	xã Đắc Lua	DTL	0,10	Dự án được ghi vốn tại văn bản số 2756/SKHDT-TĐ ngày 18/7/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018	Bồi thường	Quý IV	Tân Phú
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							
1	1	1	Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối	TT. Dầu Giây	DGT	6,80	Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
2	2	2	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cũi	Gia Tân 1	DGT	3,20	Thông báo thu hồi đất số 959/TB-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thống Nhất	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
3	3	3	Đường song hành Quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km 1830 + 820 đến Km 1832 + 400)	TT. Dầu Giây	DGT	13,00	Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
1	4	4	Đường song hành Quốc lộ 20 đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km 0 + 195 đến Km 1 + 795)	TT. Dầu Giây	DGT	9,00	Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
2	5	5	Đường từ QL 20 vào trường THCS Gia Tân 1	Gia Tân 1	DGT	1,80	Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
3	6	6	Khu dịch vụ, thương mại, logistics	Lộ 25	SKK	250,00	Thông báo thu hồi đất số 1742/TB-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
4	7	7	Cụm công nghiệp Hưng Lộc	Hưng Lộc	SKN	41,86	Quyết định thu hồi đất số 604/QĐ-UBND ngày 13/03/2018 của UBND huyện Thống Nhất	Bồi thường	Quý I	Thống Nhất
5	8	8	Nạo vét và kê 2 bờ suối Reo	Các xã	DTL	46,20	Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
6	9	9	Trường MN Gia Tân 3 (mở rộng)	Gia Tân 3	DGD	0,80	Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Bồi thường	Quý II	Thống Nhất
7	10	10	Trường MN Hoa Mi (mở rộng)	Lộ 25	DGD	0,11	Công văn số 14932/UBND-KTN ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử	Bồi thường	Quý II	Thống Nhất
8	11	11	Đường điện 110 kV một mạch Định Quán 2 - Vĩnh An	Gia Tân 1; Gia Tân 2	DNL	0,29	Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
9	12	12	Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kv Tri An - Kiệt Tân	Gia Tân 1; Gia Tân 2	DNL	0,03	Văn bản số 4897/UBND-KNT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận	Bồi thường	Quý II	Thống Nhất
10	13	13	Mạch 2 đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mây	Các xã	DNL	1,00	Công văn số 1613/UBND-CNN ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận	Bồi thường	Quý III	Thống Nhất
11	14	14	Trung tâm viễn thông huyện	Gia Kiệt	DBV	0,01	Văn bản số 1029/UBND-TCKH ngày 12/4/2017 của UBND huyện Thống Nhất về việc đầu tư dự	Bồi thường	Quý III	Thống Nhất
12	15	15	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây	Hưng Lộc	DGT	2,27	Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Bồi thường	Quý III	Thống Nhất
13	16	16	Đường cầu ông Bô đi Tp.Long Khánh	Xuân Thiện	DGT	3,90	Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
14	17	17	Đường D17 (Đoạn từ ngã tư tru sở Bàu Hầm 2 ra Quốc lộ 1A)	Bàu Hầm 2; TT. Dầu Giây	DGT	0,20	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất

TT (tên ý kiến, họ tên, huyện, kh. ông in)	Quy - không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
15	18	18	Đường N7 (núi dài)	TT. Dầu Giây	DGT	0,40	Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
16	19	19	Khu dân cư tái định cư	Lô 25	ONT	25,00	Thông báo thu hồi đất số 379/TB-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện Thống Nhất	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
17	20	20	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tân Yên	Gia Tân 3	DSH	0,05	Thông báo thu hồi đất số 3909/UBND-CNN ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
18	21	21	Đường dây 500KV Long Thành - rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	Lô 25	DNL	0,08	Văn bản số 5202/UBND-KTN ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thông nhất bỏ	Bồi thường	Quý IV	Thống Nhất
Tường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất										Thống Nhất
	1	33	Nghĩa trang Nhất An Viên	Quang Trung	NTD	3,33	Quyết định thu hồi đất số 2395/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai	Tính tiền	Quý II	Thống Nhất
	2		Khu dân cư nông thôn theo quy hoạch	Quang Trung	ONT	13,67	Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Tính tiền	Quý III	Thống Nhất
26	3	35	Khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Lô 25	Lô 25	ONT	20,00	Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Tính tiền	Quý III	Thống Nhất
Tường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất										Thống Nhất
	1	36	Soklu 4 - Gia Kiệm - (TN.D94-2)	Gia Kiệm	SKX	13,90	Đang thẩm định nhu cầu để lập thủ tục thuê đất	Thuê đất	Quý III	Thống Nhất
	2	37	Soklu 6 - Quang Trung - (TN.D6-2)	Quang Trung	SKX	12,50	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn Giấy	Thuê đất	Quý II	Thống Nhất
			xây dựng Soklu 6				phép khai thác khoáng sản			
27	3	38	Soklu 1 - Gia Kiệm - (TN.D1-2)	Gia Kiệm	SKX	9,94	Quyết định số 4421/GP-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn Giấy	Thuê đất	Quý III	Thống Nhất
			Soklu 5 - Quang Trung - (TN.D5-2)	Quang Trung	SKX	2,24	Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Thuê đất	Quý IV	Thống Nhất
			trương đầu tư				trương đầu tư			
			Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ (Cty TNHH Tam Nông Pháp Việt)	Gia Kiệm	SKC	0,75	Đã có hiện trạng, đang lập thủ tục thuê đất	Thuê đất	Quý IV	Thống Nhất
29			Điểm cơ sở giặt mở gia súc, gia cầm	Gia Kiệm	SKC	0,90	Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Thuê đất	Quý IV	Thống Nhất
			trương đầu tư				trương đầu tư			
30			Trạm trộn bê tông nhựa nóng (Cty TNHH Bả Lộc)	Gia Kiệm	SKC	0,90	Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Thuê đất	Quý IV	Thống Nhất
			trương đầu tư				trương đầu tư			
31	4	39	Khu du lịch Trị An Lake View	Gia Tân 1	TMD	33,72	Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ	Thuê đất	Quý IV	Thống Nhất
Tường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất										Trảng Bom
1	1	1	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Bình Minh, Bắc Sơn	DNL	0,37		Bồi thường	Quý I	Trảng Bom
	2	2	Trạm biến áp 110KV Giang Điện và đường	Giang Điện	DNL	3,47		Bồi thường	Quý II	Trảng Bom
	3	3	Đường điện 500 KV Long Thành rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	Các xã, thị trấn	DNL	0,64		Bồi thường	Quý III	Trảng Bom

TT (tấy ý kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	4	4	Đường sắt Nhà Trang - HCM	Đông Hòa, Trung Hòa	DGT	4,19		Bồi thường	Quý IV	Trảng Bom
	5	5	Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su)	TT.Trảng Bom	DGT	0,40		Bồi thường	Quý I	Trảng Bom
	6	6	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo)	TT.Trảng Bom	DGT	0,73		Bồi thường	Quý IV	Trảng Bom
2	7	7	Đường Nguyễn Huệ (đoạn Nguyễn Tri Phương đến QL.1A)	TT.Trảng Bom	DGT	1,09		Bồi thường	Quý II	Trảng Bom
3	8	8	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	TT.Trảng Bom	DGT	0,60		Bồi thường	Quý II	Trảng Bom
4	9	9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TT.Trảng Bom	DGT	9,05		Bồi thường	Quý III	Trảng Bom
5	10	10	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Các xã, thị trấn	DGT	3,85		Bồi thường	Quý III	Trảng Bom
6	11	11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hâm	Bàu Hâm	DGT	8,00		Bồi thường	Quý IV	Trảng Bom
7	12	12	KCN Sóng Mây	Hồ Nai 3, Bắc Sơn	SKK	164,20		Bồi thường	Quý IV	Trảng Bom
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất							Trảng Bom
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							Trảng Bom
15	1	25	Xây dựng khu dân cư và thương mại	Tây Hòa	ONT	7,19		Tinh Tiền	Quý I	Trảng Bom
16	2	26	Khu dân cư Lâm Viên sinh thái	Giang Điền	ONT	19,10		Tinh Tiền	Quý I	Trảng Bom
17	3	27	Khu tái định cư tại xã Bắc Sơn	Bắc Sơn	ONT	2,89		Tinh Tiền	Quý I	Trảng Bom
18	4	28	Khu tái định cư tại xã Đông Hòa	Đông Hòa	ONT	18,89		Tinh Tiền	Quý II	Trảng Bom
	5	29	Khu tái định cư	TT.Trảng Bom	ODT	5,00		Tinh Tiền	Quý IV	Trảng Bom
19	6	30	Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cánh	TT.Trảng Bom	ODT	1,45		Tinh Tiền	Quý IV	Trảng Bom
20	7	31	Khu dân cư và khu du lịch Giang Điền (Khu B)	Giang Điền, Quảng Tiến	ONT	14,52		Tinh tiền	Quý IV	Trảng Bom
21			Đất sản xuất kinh doanh chuyển sang đất ở tại thửa 13 từ 2	Đồi 61	ONT	0,23		Tinh tiền	Quý III	Trảng Bom
22	8	32	Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại từ 36 thửa 49)	Sông Trầu	ONT	2,25		Tinh tiền	Quý III	Trảng Bom
23	9	33	Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại huyện Trảng Bom do Công ty Cổ phần Thống Nhất làm chủ đầu tư)	TT.Trảng Bom	ODT	3,50		Tinh tiền	Quý III	Trảng Bom
24	10	34	Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Kim Long Phát làm chủ đầu tư)	TT.Trảng Bom	ODT	3,37		Tinh tiền	Quý III	Trảng Bom
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất							Trảng Bom
25	1	35	KCN Sóng Mây	Hồ Nai 3, Bắc Sơn	SKK	164,20		Thuê đất	Quý III	Trảng Bom
26	2	36	KCN Bàu Xéo	Sông Trầu	SKK	27,11		Thuê đất	Quý III	Trảng Bom
27	3	37	KCN Hồ Nai	Bắc Sơn	SKK	142,92		Thuê đất	Quý III	Trảng Bom
28	4	38	KCN Giang Điền	Giang Điền	SKK	2,61		Thuê đất	Quý IV	Trảng Bom
29			Trạm thu mua nông sản	An Viễn	SKC	2,35		Thuê đất	Quý II	Trảng Bom

TT (tãy ý kiến huyện, kh ông in)	TT tỉnh Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
30	5	39	Mô dà xây dựng Thiên tân 10	Hồ Nai 3	SKX	20,05		Thuê đất	Quý IV	Trảng Borm Vinh Cùu
			T trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							
1	1	1	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An- huyện Vinh Cùu)	Tân An	SKK	58,60	Dã hoàn tất chi trả bồi thường cho 23 hộ/31 ha, còn lại đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt bổ sung 32 hộ/24,2 ha	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
2	2	2	Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ CHQST	Thiên Tân	CQP	5,70	Ngày 16/4/2021 UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 344/UBND-KTN về giải trình nội dung đề nghị điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 báo cáo Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1048/BTL-TM, ngày 12/4/2021 về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công trình DA1 theo Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
3	3	3	Cùn CN Thiên Tân	Thiên Tân	SKN	48,90	Đang thu hồi (đã thu hồi 42,79 ha); đang thẩm định nhu cầu SDE; đã bàn giao mặt bằng 62 h/41,49 ha; còn lại 06 h/4,7 ha đang lập tầu tục cường chế	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
4	4	4	Công ty TNHH Thành Phú Phái (trong Cùn CN Thanh Phú- Thiên Tân)	Thiên Tân	SKN	1,48	Đã được UBND huyện xác nhận bồi thường tại Văn bản số 528/UBND-KT ngày 28/01/2019 và đã gửi hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào đầu năm 2020 nhưng đến nay chưa có kết quả	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
2	5	5	Cải tạo nâng cấp đường DT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với DT767, thị trấn Vinh An, huyện Vinh Cùu	Tân An, Trĩ An, TT. Vinh An	DGT	50,00	Đã phê duyệt bồi thường 1.622 hộ; còn lại 45 hộ chưa duyệt (QĐ: 4347/QĐ-UBND đến QĐ 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện; QĐ: 6440/QĐ-UBND đến QĐ 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện; QĐ: 1156/QĐ-UBND đến QĐ1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện)	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
3	6	6	Đường ấp 3 xã Tân An	Tân An	DGT	4,50	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vinh Cùu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
4	7	7	Đường Kỳ Lân	Thiên Tân	DGT	4,00	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu
5	8	8	Hệ thống thoát nước Cùn công nghiệp Thiên Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rach Đông.	Thiên Tân	DTL	0,80	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư	Bồi thường	Quý II	Vinh Cùu
6	9	9	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường DT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Thanh Phú	DTL	1,00	Thông báo thu hồi đất	Bồi thường	Quý I	Vinh Cùu

TT (tính kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quý không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
7	10	10	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	Tân An	ONT	23,48	Đã phê duyệt bồi thường và hoàn tất chi trả 05 hệ/19,82ha; còn lại chưa phê duyệt 02 hệ/2,86 ha	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
8	11	11	Cần cứ hậu cần kỹ thuật tỉnh	Hiếu Liêm	CQP	45	Công văn 2029/BCH-TM ngày 13/8/2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vv đăng ký nhu cầu KHSDĐ năm 2022: "Căn cứ quyết tâm tác chiến phòng thủ 171/Q-T-CHT của Chỉ huy trưởng/Bộ 7 phê chuẩn ngày 07/7/2020". Văn bản số 2029/BCH-TM ngày 13/8/2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vv đăng ký nhu cầu KHSDĐ năm 2022	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
9	12	12	Khu KV1	Tân An	CQP	40	Văn bản số 2029/BCH-TM ngày 13/8/2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vv đăng ký nhu cầu KHSDĐ năm 2022	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
10	13	13	Trụ sở Công an xã Thiên Tân	Thiên Tân	CAN	0,42	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
11	14	14	Công ty CP giấy dếp Cao su Mầu	Thiên Tân	SKN	1,16	Thông báo kết luận số 253/TB-UBND ngày 12/3/2021 Ý kiến kết luận của ông Trần Dương Hùng - Phó Chủ tịch UBND huyện tại buổi họp xử lý vướng mắc trong công tác bồi thường dự án Khu dân cư tại Tân An của Công ty Tư vấn ĐT XD Hồ Vũ, dự án Xây dựng nhà xưởng của Công ty CP giấy dếp Cao su Mầu.	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
12	15	15	Điểm du lịch sinh thái Green Heaven	TT. Vĩnh An	TMD	7,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 591/QĐ-UBND ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
13	16	16	Trạm y tế xã Bình Hòa	Bình Hòa	DYT	0,02	Phục lục III, Biểu kế hoạch đầu tư công dự kiến giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn xổ số kiến thiết định kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4936/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trạm y tế xã Bình Hòa	Bồi thường	Quý II	Vĩnh Cửu
14	17	17	Trạm 110kV Tân An và đầu nối	Tân An	DNL	0,41	Đã được UBND tỉnh thỏa thuận tại văn bản số 5647/UBND- CNN ngày 05/6/2018	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
15	18	18	Trạm trung chuyển rác thị trấn Vĩnh An	TT. Vĩnh An	DRA	1,1	Dự án đã được UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư công tại Quyết định số 97/QĐ- UBND ngày 11/1/2021; Nghị quyết số 33/NQ- HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện về việc phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý (lần 2)	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu

TT (tên ý kiến_huyện_không_mn_ông_mn)	TT tỉnh Quy không_mn (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
16	19	19	Trạm trung chuyển rác tại xã Hiếu Liêm (2 vị trí)	Hiếu Liêm	DRA	0,40	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
17	20	20	Trạm trung chuyển rác	Thanh Phú	DRA	0,30	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
18	21	21	Trạm trung chuyển rác	Bình Hòa	DRA	0,01	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
19	22	22	Trạm trung chuyển rác	Mã Đà	DRA	0,05	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
20	23	23	Trạm trung chuyển rác	Tân An	DRA	0,05	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
	24	24	Trạm trung chuyển rác	Thiên Tân	DRA	0,18	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý III	Vĩnh Cửu
21	25	25	Trạm trung chuyển rác	Phú Lý	DRA	1,0	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
22	26	26	Trạm trung chuyển rác	Vĩnh Tân	DRA	0,05	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
23	27	27	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	Tân Bình	DSH	0,11	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giải đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
24	28	28	Khu dân cư tập trung xã Thanh Phú	Thanh Phú	ONT	18,8	Văn bản số 147/UBND-KTN ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh về việc xử lý tồn tại dự án trường mầm non Thanh Phú tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu	Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
25	29	29	Trường mầm non Thanh Phú (thổ Vồ Thị Khăn)	Thanh Phú	DGD	0,05		Bồi thường	Quý IV	Vĩnh Cửu
Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất										

TT (lấy ý kiến huyện, không in)	TT (lấy ý kiến không in)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
	1		Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Hiếu Liêm	ONT	42,43	Đã ban giao mặt bằng 84 hồ/27,06 ha, còn lại 76 hồ/7,46 ha đang điều chỉnh ranh thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất từ số 6964/QĐ-UBND đến số 7094 /QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Thông báo thu hồi đất số 2053/TB-UBND đến Thông báo số 2097/TB-UBND ngày 11/9/2018	Tinh Tiền	Quý I	Vĩnh Cửu
	2		Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hoàng	Thiên Tân	ONT	5,80	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện và đang vướng mắc trong việc xử lý Kết luận thanh tra số 7259/KL-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh	Tinh Tiền	Quý I	Vĩnh Cửu
	3		Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	Tân An	ONT	23,48	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư, đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Hiện nay, Công ty đã thỏa thuận đền bù xong với các hộ dân trong ranh dự án với tổng diện tích là: 197.217,8 m ² (đạt 87% diện tích dự án)	Tinh Tiền	Quý II	Vĩnh Cửu
	4		Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Thanh Phú	ONT	5,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư	Tinh Tiền	Quý II	Vĩnh Cửu
	5		Khu dân cư đô thị Trinch Vũ Giáp (Công ty TNHH BDS Trinch Vũ Giáp)	Thanh Phú	ONT	5,62	Đang thu hồi; đã ban hành 06 quyết định kiểm kê bắt buộc. Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trinch Vũ Giáp tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu	Tinh Tiền	Quý II	Vĩnh Cửu
	6		Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	Tân Bình	ONT	2,70	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện dự án	Tinh Tiền	Quý III	Vĩnh Cửu
	7		Khu dân cư tập trung xã Thanh Phú	Thanh Phú	ONT	18,8	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Tinh Tiền	Quý III	Vĩnh Cửu
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất					Thuế đất		Vĩnh Cửu
27	1	40	Khu công nghiệp Thanh Phú	Thanh Phú	SKK	51,57		Thuế đất	Quý I	Vĩnh Cửu
28	2	41	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An- huyện Vĩnh Cửu)	Tân An	SKK	58,60		Thuế đất	Quý I	Vĩnh Cửu
29	3	42	Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiên Tân	Thiên Tân	SKN	3,00		Thuế đất	Quý II	Vĩnh Cửu
30	4	43	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	Tân An	SKN	43,82		Thuế đất	Quý II	Vĩnh Cửu

TT (tính ý kiến huyện, không in chữ in)	Quy hoạch không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
31	5	44	Cum CN Thiên Tân	Thiên Tân	SKN	48,90		Thuế đất	Quý II	Vinh Cửu
	6		Công ty TNHH Thanh Phú Phát (trong Cum CN Thanh Phú - Thiên Tân)	Thiên Tân	SKN	1,48		Thuế đất	Quý III	Vinh Cửu
	7		Điểm du lịch sinh thái Green Heaven	TT Vinh An	TMD	7,05		Thuế đất	Quý III	Vinh Cửu
	8		Khu chế biến, đường bằng truyền từ mỏ đá Thiên Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Tường Phát JP)	Tân An	SKC	9,69		Thuế đất	Quý III	Vinh Cửu
	9		Công trình phụ trợ mỏ đá Thanh Phú 3	Thiên Tân	SKC	1,28		Thuế đất	Quý III	Vinh Cửu
	10		Mỏ đá Thiên Tân 2	Thiên Tân	SKX	0,94		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	11		Mỏ đá Thiên Tân 4	Thiên Tân	SKX	14,29		Thuế đất	Quý III	Vinh Cửu
	12		Mỏ đá xây dựng Thiên Tân 5	Thiên Tân	SKX	16,80		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	13		Mỏ đá Thiên Tân 9	Thiên Tân	SKX	55,48		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	14		Mỏ đá Thiên Tân 3	Thiên Tân	SKX	30,70		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	15		Mỏ đá Thiên Tân 1	Thiên Tân	SKX	16,17		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	16		Mỏ đá Thiên Tân 8	Thiên Tân	SKX	4,17		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
	17		Mỏ đá Thiên Tân 7	Thiên Tân	SKX	26,10		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
			Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm (Công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo) (tên đăng ký là Khu đất Hợp tác xã Dịch vụ Chăn nuôi Hiếu Liêm tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29)	Hiếu Liêm	TMD	0,29		Thuế đất	Quý IV	Vinh Cửu
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất							Xuân Lộc
	1	1	Nâng cấp đường ĐT. 763 (phần đoạn từ Km8+300 đến Km15+000)	Xã Xuân Tho, Xuân Bắc	DGT	17,24	Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến); Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Tiềm dự án bồi thường, phóng mặt bằng dự án nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến) phần đoạn thuộc huyện Xuân Lộc.	Bồi thường	Quý I	Xuân Lộc
	2	2	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	TT. Gia Ray	ODT	9,5	Thông báo Kết luận số 51/TTB-UBND ngày 25/01/2019 về lập và đầu tư dự án Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (phục vụ dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây)	Bồi thường	Quý II	Xuân Lộc
	3	3	Nâng cấp mở rộng Đường Hùng Vương - Trần Phú	TT. Gia Ray	DGT	3,3	Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án bồi thường, phóng mặt bằng dự án nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến) phần đoạn thuộc huyện Xuân Lộc.	Bồi thường	Quý II	Xuân Lộc
	4	4	Nâng cấp, Đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xã Xuân Định, Bảo Hòa	DGT	6	Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án bồi thường, phóng mặt bằng dự án nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến) phần đoạn thuộc huyện Xuân Lộc.	Bồi thường	Quý IV	Xuân Lộc



TT (tất kiến huyện_kh ông in)	TT tính Quý _không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
4	5	5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2)	Thị trấn Gia Ray, Xuân Tâm	DGT		Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 của UBND huyện về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư 5 công năm 2021.Tờ trình số 401/TT-Tr-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	Bồi thường	Quý I	Xuân Lộc
5	6	6	Năng cấp, mở rộng đường Hoàng Đình Thường	Thị trấn Gia Ray	DGT	2	Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 của UBND huyện về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư	Bồi thường	Quý II	Xuân Lộc
6	7	7	Đường Suối Rét B, xã Xuân Định	Xã Xuân Định	DGT	7	Thông báo kết luận số 11364/TB-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh.	Bồi thường	Quý II	Xuân Lộc
7	8	8	Đường đôi đá Bàu Trám	Xã Bàu Hòa	DGT	3,6	-Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư công năm 2021.	Bồi thường	Quý II	Xuân Lộc
8	9	9	Trường Mầm non Xuân Trường	Xã Xuân Trường	DGD	0,3	Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư công năm 2021.	Bồi thường	Quý III	Xuân Lộc
9	10	10	THCS Lê Lợi xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	DGD	0,56	Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư công năm 2021.	Bồi thường	Quý III	Xuân Lộc
10	11	11	Trường mầm non Xuân Phú (Phân hiệu Bình Tiến)	Xã Xuân Phú	DGD	0,1	Tờ trình số 257/TT-Tr-UBND ngày 09/11/2020 về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và KH đầu tư công năm 2021.	Bồi thường	Quý IV	Xuân Lộc
11	12	12	Công trình Trạm biến áp 500kV Đồng Nai 2 và các đường dây đầu nối	Xã Xuân Bắc, Suối Cao, Xuân Thọ, Suối Cát	DNL	17,34	Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (QHĐ VII điều chỉnh).Văn bản số 6988/UBND-KTN ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 500kV Đồng Nai 2 và các đường dây đầu nối	Bồi thường	Quý III	Xuân Lộc
12	13	13	Công trình Trạm biến áp 220kV Long Khánh và các đường dây đầu nối	Xã Xuân Định	DNL	2,92	Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (QHĐ VII điều chỉnh).Văn bản số 13121/UBND-KTN ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 220kV Long Khánh và hướng tuyến đường dây 220kV đầu nối	Bồi thường	Quý IV	Xuân Lộc
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để đầu giá quyền sử dụng đất							Xuân Lộc
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất							Xuân Lộc

TT (tên ý kiến huyện kh ông m)	TT tỉnh Quy không in (tính số thứ tự)	TT	Tên công trình	Xã, phường	Ký hiệu loại đất	Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện (Quý)	Huyện
15	1	23	Khu dân cư Chiến Thắng tại xã Xuân Đình	Xã Xuân Đình	ONT	7,15	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Chiến Thắng tại xã Xuân Đình, huyện Xuân Lộc	Tính tiền	Quý I	Xuân Lộc
	2	24	Khu dân cư nông thôn tại xã Suối Cao	Xã Suối Cao	ONT	6,39	Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư nông thôn tại xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH Ninh Thịnh làm chủ đầu tư	Tính tiền	Quý I	Xuân Lộc
16	3	25	Khu dân cư theo quy hoạch	TT. Gia Ray	ODT	15,24	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương đầu tư khu dân cư theo quy hoạch	Tính tiền	Quý II	Xuân Lộc
17	4	26	Khu tái định cư (phục vụ dự án đường Cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây)	TT. Gia Ray	ODT	9,45	Quyết định số 10441/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Khu Tái định cư tại Thị Trấn Gia Ray	Tính tiền	Quý II	Xuân Lộc
18	5	27	Khu dân cư thị trấn Gia Ray	TT. Gia Ray	ODT	47,5		Tính tiền	Quý III	Xuân Lộc
			Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất							Xuân Lộc
			Cửa hàng xăng dầu Đại Phú	Xuân Phú	TMD	0,51	Quyết định chủ trương đầu tư số 2812/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	Thuế đất		Xuân Lộc
			Khu thương mại dịch vụ (thửa 97 từ bản đồ số 27)	TT. Gia Ray	TMD	0,20	Văn bản số 9531/UBND-KT ngày 02/11/2021 của UBND huyện về việc lập các thủ tục thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 2 khu đất tại thị trấn Gia Ray	Thuế đất		Xuân Lộc
19	1	28	Cụm công nghiệp Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng	SKK	16,35	Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cấp chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng cụm công nghiệp tại xã Xuân Hưng do Công ty TNHH Hồng Hà làm chủ đầu tư	Thuế đất	Quý I	Xuân Lộc

